

BỘ ĐỀ THI - ĐÁP ÁN

Hội thi tìm hiểu pháp luật về lĩnh vực công tác dân tộc năm 2025 huyện Hướng Hóa

(Kèm theo Quyết định số 07/QĐ-BTC ngày 08/4/2025 của Ban Tổ chức Hội thi tìm hiểu pháp luật về lĩnh vực công tác dân tộc năm 2025 huyện Hướng Hóa)

PHẦN 1 TRẮC NGHIỆM KIẾN THỨC

Câu 1: Theo quy định của pháp luật hiện hành thì trường phổ thông dân tộc bán trú phải đảm bảo ít nhất bao nhiêu phần trăm tỷ lệ học sinh là người dân tộc thiểu số?

- A. 45%
- B. 50%
- C. 55%
- D. 60%

Trả lời: B là đáp án đúng

(Theo Điều 3, Quy chế tổ chức và hoạt động của trường phổ thông dân tộc bán trú, ban hành kèm theo Thông tư số 03/2023/TT-BGDĐT ngày 06/02/2023)

Câu 2: Theo quy định của Luật Bảo hiểm y tế năm 2008, sửa đổi năm 2014 thì mức hưởng bảo hiểm y tế của người dân tộc thiểu số đang sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn là bao nhiêu phần trăm chi phí khám chữa bệnh?

- A. 70%
- B. 80%
- C. 95%
- D. 100%

Trả lời: D là đáp án đúng

(Theo Điều 22 Luật Bảo hiểm y tế năm 2008, sửa đổi năm 2014)

Câu 3: Theo quy định tại Thông tư 58/2017/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành ngày 13/6/2017 về hỗ trợ tài chính, ngân sách nhà nước nộp bảo hiểm thay cho các đơn vị sử dụng lao động là người dân tộc thiểu số ở vùng núi, thời hạn tối đa là bao nhiêu năm đối với một người lao động?

- A. 5 năm
- B. 7 năm
- C. 9 năm
- D. 11 năm

Trả lời: A là đáp án đúng

(Theo Điều 4 Thông tư 58/2017/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành ngày 13/6/2017 về hỗ trợ tài chính, ngân sách nhà nước nộp bảo hiểm thay cho các đơn vị sử dụng lao động là người dân tộc thiểu số ở vùng núi)

Câu 4: Theo quy định của Luật Đất đai năm 2024, trách nhiệm của Nhà nước về đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số được quy định tại điều khoản nào?

- A. Điều 16

- B. Điều 17
- C. Điều 18
- D. Điều 19

Trả lời: A là đáp án đúng

(Theo khoản 3, Điều 16 - Luật Đất đai năm 2024)

Câu 5: Lĩnh vực đầu tư kinh doanh nhà văn hóa dân tộc, đoàn ca múa nhạc dân tộc; sản xuất, chế tạo, sửa chữa nhạc cụ dân tộc, duy tu bảo tồn bảo tàng, nhà văn hóa dân tộc là ngành, nghề ưu đãi đầu tư loại nào theo Nghị định 31/2021/NĐ-CP, quy định chi tiết và hướng dẫn của Luật Đầu tư năm 2020.

- A. Ngành nghề đặc biệt ưu đãi đầu tư.
- B. Ngành nghề ưu đãi đầu tư.
- C. Ngành nghề ưu đãi đầu tư khi nhà đầu tư là cá nhân thuộc dân tộc thiểu số rất ít người.
- D. Ngành nghề ưu đãi đầu tư khi nhà đầu tư là cá nhân thuộc dân tộc thiểu số ít người.

Trả lời : A là đáp án đúng

(Tại Phụ lục II - Nghị định 31/2021/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật Đầu tư năm 2020)

Câu 6: Ông A đăng thông báo tuyển dụng lao động, trong thông báo có ghi chú “không tuyển người dân tộc thiểu số”. Hành vi phân biệt đối xử này của ông A theo Nghị định 12/2022/NĐ-CP ngày 17/01/2022 của Chính phủ quy định mức bị xử phạt như thế nào?

- A. 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng
- B. 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng
- C. 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng
- D. 7.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng

Đáp án: C là đáp án đúng

(Khoản 2, Điều 8 - Nghị định 12/2022/NĐ-CP)

Câu 7: Tảo hôn là gì?

- A. Việc nam, nữ đã đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
- B. Việc nam, nữ tổ chức cuộc sống chung và coi nhau là vợ chồng.
- C. Việc lợi dụng kết hôn để đạt được mục đích khác mà không nhằm mục đích xây dựng gia đình.
- D. Việc lấy vợ, lấy chồng khi một bên hoặc cả hai bên chưa đủ tuổi kết hôn.

Đáp án: D là đáp án đúng

(Quy định tại Khoản 8, Điều 3 - Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014)

Câu 8: Hành vi trồng cây thuốc phiện, cây cô-ca, cây cần sa hoặc các loại cây khác có chứa chất ma túy do Chính phủ quy định bị truy cứu trách nhiệm hình sự trong trường hợp nào?

- A. Đã được giáo dục 02 lần và đã được tạo điều kiện ổn định cuộc sống;
- B. Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;
- C. Với số lượng từ 500 cây đến dưới 3.000 cây
- D. Tất cả các đáp án trên đều đúng

Đáp án: D là đáp án đúng

(Quy định tại Điều 247 - Bộ Luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017)

Câu 9: Người nào sau đây có quyền dùng tiếng nói của dân tộc mình (không phải là tiếng Việt) trong tố tụng hình sự?

- A. Người tham gia tố tụng không biết tiếng Việt;
- B. Người tham gia tố tụng không biết tiếng Việt, người tham gia tố tụng là người dân tộc thiểu số biết tiếng Việt nhưng không muốn sử dụng tiếng Việt;
- C. Người có thẩm quyền tiến hành tố tụng;
- D. Tất cả những người trên đều có quyền dùng tiếng nói của dân tộc mình, trường hợp này phải có phiên dịch.

Đáp án: B là đáp án đúng

(Theo Điều 29 - Bộ Luật Tố tụng hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2021)

Câu 10: Bình đẳng giới được hiểu như thế nào?

- A. Chỉ đặc điểm, vị trí, vai trò của nam và nữ trong tất cả các mối quan hệ xã hội.
- B. Việc nam, nữ có vị trí, vai trò ngang nhau, được tạo điều kiện và cơ hội phát huy năng lực của mình cho sự phát triển của cộng đồng, của gia đình và thụ hưởng như nhau về thành quả của sự phát triển đó.
- C. Là biện pháp nhằm bảo đảm bình đẳng giới thực chất, do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành.
- D. Nam, nữ phải bình đẳng về quyền và nghĩa vụ.

Trả lời: B là đáp án đúng

(Theo khoản 3, Điều 5 - Luật Bình đẳng giới năm 2006)

Câu 11: Các hành vi nào sau đây là hành vi bị nghiêm cấm?

- A. Kết hôn hoặc chung sống như vợ chồng giữa những người cùng dòng máu về trực hệ; giữa những người có họ trong phạm vi ba đời.
- B. Kết hôn hoặc chung sống như vợ chồng giữa cha, mẹ nuôi với con nuôi; giữa người đã từng là cha, mẹ nuôi với con nuôi, cha chồng với con dâu, mẹ vợ với con rể, cha dượng với con riêng của vợ, mẹ kế với con riêng của chồng.
- C. Bao lực gia đình.
- D. Tất cả các đáp án trên đều đúng.

Trả lời: D là đáp án đúng

(Theo khoản 2 Điều 5 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014)

Câu 12: Các hành vi nào sau đây là hành vi bị nghiêm cấm trong lĩnh vực lao động?

- A. Ngược đãi người lao động, cưỡng bức lao động.
- B. Quấy rối tình dục tại nơi làm việc.
- C. Sử dụng lao động chưa thành niên trái pháp luật.
- D. Tất cả các đáp án trên đều đúng.

Trả lời: D là đáp án đúng

(Theo Điều 8 - Bộ Luật Lao động năm 2019)

Câu 13: Theo Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, mức cho vay tối đa đối với đối tượng vay vốn hỗ trợ đất ở tại Ngân hàng Chính sách xã hội hiện nay là bao nhiêu?

- A. 25 triệu đồng/hộ.
- B. 30 triệu đồng/hộ.

C. 40 triệu đồng/hộ.

D. 50 triệu đồng/hộ.

Trả lời: D là đáp án đúng

(Theo Điều 11 - Nghị định số 28/2022/NĐ-CP ngày 26/4/2022 của Chính phủ, quy định mức cho vay không vượt quá 50 triệu đồng/hộ)

Câu 14: Theo Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, thì lãi suất cho vay đối với đối tượng vay vốn hỗ trợ đất ở tại Ngân hàng Chính sách xã hội là bao nhiêu?

A. Bằng 3%/năm.

B. Bằng 3,96%/năm.

C. Bằng lãi suất cho vay đối với hộ nghèo quy định trong từng thời kỳ.

D. Bằng 50% lãi suất cho vay đối với hộ nghèo quy định trong từng thời kỳ.

Trả lời: A là đáp án đúng

(Theo Điều 13 - Nghị định số 28/2022/NĐ-CP ngày 26/4/2022 của Chính phủ, quy định lãi suất cho vay là 3%/năm)

Câu 15: Theo Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, mức cho vay tối đa đối với đối tượng vay vốn hỗ trợ nhà ở tại Ngân hàng Chính sách xã hội hiện nay là bao nhiêu?

A. 25 triệu đồng/hộ.

B. 30 triệu đồng/hộ.

C. 40 triệu đồng/hộ.

D. 50 triệu đồng/hộ.

Trả lời: C là đáp án đúng

(Theo Điều 17 - Nghị định số 28/2022/NĐ-CP ngày 26/4/2022 của Chính phủ, quy định mức cho vay không quá 40 triệu đồng/hộ)

Câu 16: Theo Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, thời hạn cho vay tối đa đối với đối tượng vay vốn hỗ trợ nhà ở tại Ngân hàng Chính sách xã hội hiện nay là bao nhiêu?

A. 05 năm.

B. 10 năm.

C. 15 năm.

D. 20 năm.

Trả lời: C là đáp án đúng

(Theo Điều 18 - Nghị định số 28/2022/NĐ-CP ngày 26/4/2022 của Chính phủ, quy định thời hạn cho vay tối đa là 15 năm)

Câu 17: Theo Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, lãi suất cho vay đối với đối tượng vay vốn hỗ trợ đất sản xuất tại Ngân hàng Chính sách xã hội là bao nhiêu?

A. Bằng lãi suất cho vay hộ nghèo quy định trong từng thời kỳ.

B. Bằng 50% lãi suất cho vay đối với hộ nghèo quy định trong từng thời kỳ.

C. Bằng lãi suất cho vay hộ cận nghèo quy định trong từng thời kỳ.

D. Bằng 50% lãi suất cho vay đối với hộ cận nghèo quy định trong từng thời kỳ.

Trả lời: B là đáp án đúng

(Theo Điều 25 - Nghị định số 28/2022/NĐ-CP ngày 26/4/2022 của Chính phủ, quy định lãi suất cho vay bằng 50% lãi suất cho vay đối với hộ nghèo quy định trong từng thời kỳ)

Câu 18: Theo Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, thì đối tượng vay vốn hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý phải đáp ứng đủ các điều kiện nào?

A. Được thành lập, hoạt động hợp pháp, có phương án đầu tư và sử dụng vốn vay để tham gia Dự án vùng trồng dược liệu quý, Dự án trung tâm nhân giống được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

B. Được Ngân hàng Chính sách xã hội tham gia thẩm định phương án vay vốn trước khi cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

C. Thực hiện bảo đảm tiền vay theo quy định của Ngân hàng Chính sách xã hội và quy định của pháp luật về giao dịch bảo đảm.

D. Tất cả các đáp án trên.

Trả lời: D là đáp án đúng

(Theo Điều 27 - Nghị định số 28/2022/NĐ-CP ngày 26/4/2022 của Chính phủ về chính sách tín dụng ưu đãi thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2030, giai đoạn 1: từ năm 2021 đến năm 2025)

Câu 19: Theo Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, mức cho vay tối đa đối với đối tượng là doanh nghiệp, hợp tác xã vay vốn hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị tại Ngân hàng Chính sách xã hội là bao nhiêu?

A. 500 triệu đồng.

B. 01 tỷ đồng.

C. 1,5 tỷ đồng.

D. 02 tỷ đồng.

Trả lời: D là đáp án đúng

(Theo khoản 2 Điều 35 - Nghị định số 28/2022/NĐ-CP ngày 26/4/2022 của Chính phủ, quy định mức cho vay tối đa là 02 tỷ đồng/khách hàng)

Câu 20: Theo Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, thì đối tượng nào được vay vốn hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị tại Ngân hàng Chính sách xã hội? Hãy chọn đáp án đúng.

A. Doanh nghiệp (sản xuất, chế biến, kinh doanh), hợp tác xã tham gia vào chuỗi giá trị có từ 70% tổng số lao động trở lên là người dân tộc thiểu số, hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo.

B. Hộ nghèo, hộ cận nghèo, doanh nghiệp (sản xuất, chế biến, kinh doanh), hợp tác xã tham gia vào chuỗi giá trị có từ 70% tổng số lao động trở lên là phụ nữ người dân tộc thiểu số.

C. Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã tham gia vào chuỗi giá trị có từ 70% tổng số lao động trở lên là người dân tộc thiểu số, hộ nghèo, hộ cận nghèo, doanh nghiệp (sản xuất, chế biến, kinh doanh).

D. Hộ nghèo, hộ cận nghèo; doanh nghiệp (sản xuất, chế biến, kinh doanh), hợp tác xã tham gia vào chuỗi giá trị có từ 70% tổng số lao động trở lên là người dân tộc thiểu số.

Trả lời: D là đáp án đúng

(Theo Điều 32 - Nghị định số 28/2022/NĐ-CP ngày 26/4/2022 của Chính phủ về chính sách tín dụng ưu đãi thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2030, giai đoạn 1: từ năm 2021 đến năm 2025)

Câu 21: Theo Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, thì thời hạn cho vay tối đa đối với đối tượng vay vốn hỗ trợ nhà ở tại Ngân hàng Chính sách xã hội hiện nay là bao nhiêu?

Theo quy định tại Nghị định số 28/2022/NĐ-CP ngày 26/4/2022 của Chính phủ quy định về chính sách tín dụng ưu đãi thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2030, giai đoạn 1: từ năm 2021 đến năm 2025, lãi suất cho vay đối với hộ cận nghèo, doanh nghiệp, hợp tác xã vay vốn hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị tại Ngân hàng Chính sách xã hội là bao nhiêu? Hãy chọn đáp án đúng:

A. Bằng lãi suất cho vay sản xuất, kinh doanh đối với hộ nghèo quy định trong từng thời kỳ.

B. Bằng 50% lãi suất cho vay sản xuất, kinh doanh đối với hộ nghèo quy định trong từng thời kỳ.

C. Bằng lãi suất cho vay sản xuất, kinh doanh hộ cận nghèo quy định trong từng thời kỳ.

D. Bằng 50% lãi suất cho vay sản xuất, kinh doanh đối với hộ cận nghèo quy định trong từng thời kỳ.

Trả lời: D là đáp án đúng

(Theo Khoản 2, Điều 36 - Nghị định số 28/2022/NĐ-CP ngày 26/4/2022 của Chính phủ, quy định lãi suất cho vay bằng 50% lãi suất cho vay sản xuất, kinh doanh đối với hộ cận nghèo quy định trong từng thời kỳ)

Câu 22: Theo Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, thời hạn cho vay tối đa đối với đối tượng vay vốn hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý tại Ngân hàng Chính sách xã hội là bao nhiêu?

A. 05 năm.

B. 10 năm.

C. 15 năm.

D. 20 năm.

Trả lời: B là đáp án đúng

(Theo Điều 30 - Nghị định số 28/2022/NĐ-CP ngày 26/4/2022 của Chính phủ, quy định thời hạn cho vay tối đa là 10 năm)

Câu 23: Nam giới đủ điều kiện kết hôn từ đủ bao nhiêu tuổi trở lên trong các trường hợp dưới đây?

A. Từ đủ 16 tuổi trở lên

- B. Từ đủ 18 tuổi trở lên
- C. Từ đủ 20 tuổi trở lên
- D. Từ đủ 22 tuổi trở lên

Trả lời: C là đáp án đúng

(Theo Điểm a, Khoản 1, Điều 8 - Luật Hôn nhân gia đình năm 2014)

Câu 24: Nữ giới đủ điều kiện kết hôn từ đủ bao nhiêu tuổi trở lên trong các trường hợp dưới đây?

- A. Từ đủ 16 tuổi trở lên.
- B. Từ đủ 18 tuổi trở lên.
- C. Từ đủ 20 tuổi trở lên.
- D. Từ đủ 22 tuổi trở lên.

Trả lời: B là đáp án đúng

(Theo Điểm a, Khoản 1, Điều 8 - Luật Hôn nhân gia đình năm 2014)

Câu 25: Mức hỗ trợ cho phụ nữ thuộc hộ nghèo là người dân tộc thiểu số khi sinh con đúng chính sách dân số hiện nay là bao nhiêu?

- A. Một triệu đồng/người.
- B. Hai triệu đồng/người.
- C. Ba triệu đồng/người.
- D. Bốn triệu đồng/người.

Trả lời: B là đáp án đúng

(Theo Điều 2, Nghị định số 39/2015/NĐ-CP, ngày 27/4/2015 của Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ cho phụ nữ thuộc hộ nghèo là người dân tộc thiểu số khi sinh con đúng chính sách dân số là 02 triệu đồng)

Câu 26: Đối tượng được hỗ trợ khi sinh con đúng chính sách dân số là đối tượng nào trong những trường hợp dưới đây?

- A. Phụ nữ là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo, cư trú ở khu vực hành chính thuộc vùng khó khăn.
- B. Phụ nữ là người Kinh có chồng là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo, cư trú ở khu vực hành chính thuộc vùng khó khăn.
- C. Phụ nữ là người Kinh thuộc hộ nghèo, cư trú ở khu vực hành chính thuộc vùng khó khăn.
- D. Phụ nữ là người dân tộc thiểu số hoặc phụ nữ là người Kinh có chồng là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo, cư trú ở đơn vị hành chính thuộc vùng khó khăn.

Trả lời: D là đáp án đúng

(Theo Điều 1, Nghị định số 39/2015/NĐ-CP, ngày 27/4/2015 của Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ cho phụ nữ thuộc hộ nghèo là người dân tộc thiểu số khi sinh con đúng chính sách dân số)

Câu 27: Hãy cho biết thể nào là một nhà tiêu hợp vệ sinh?

- A. Là nhà tiêu bảo đảm cô lập được phân người, ngăn không cho phân chưa được xử lý tiếp xúc với động vật, côn trùng.
- B. Có khả năng tiêu diệt được các mầm bệnh có trong phân, không gây mùi khó chịu.
- C. Không làm ô nhiễm môi trường xung quanh.
- D. Tất cả các phương án trên đều đúng.

Trả lời: D là đáp án đúng

(Quy định tại Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế)

Câu 28: Theo anh/chị, thế nào là nước sạch để sử dụng cho mục đích sinh hoạt?

A. Nước sạch là nước hợp vệ sinh.

B. Nước sạch là nước trong, không màu, không mùi, không vị.

C. Nước sạch là nước máy đã qua xử lý.

D. Nước sạch là nước đã qua xử lý có chất lượng bảo đảm, đáp ứng yêu cầu sử dụng.

Trả lời: D là đáp án đúng

(Quy định tại Khoản 7, Điều 2 - Nghị định 117/2007/NĐ-CP ngày 11/7/2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch)

Câu 29: Theo Luật phòng, chống HIV/AIDS, người nhiễm HIV có nghĩa vụ nào sau đây?

A. Xét nghiệm HIV định kỳ sau mỗi 6 tháng.

B. Thông báo kịp thời kết quả xét nghiệm HIV dương tính của mình cho vợ, chồng, người dự định kết hôn, người chung sống như vợ chồng với mình.

C. Thực hiện các quy định về điều trị khi tham gia điều trị bằng thuốc kháng HIV.

D. Cả 2 phương án B và C là đúng.

Trả lời: D là đáp án đúng

(Quy định tại khoản b và c, Điều 4 - Luật Phòng, chống HIV/AIDS quy định: Người nhiễm HIV có nghĩa vụ: Thông báo kịp thời kết quả xét nghiệm HIV dương tính của mình cho vợ, chồng, người dự định kết hôn, người chung sống như vợ chồng với mình; Thực hiện các quy định về điều trị khi tham gia điều trị bằng thuốc kháng HIV)

Câu 30: Theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống nhiễm vi-rút gây ra hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải ở người (HIV/AIDS) năm 2020, độ tuổi được quyền tự nguyện đề nghị xét nghiệm HIV là:

A. Từ đủ 15 tuổi.

B. Từ đủ 16 tuổi.

C. Từ đủ 17 tuổi.

D. Từ đủ 18 tuổi.

Trả lời: A là đáp án đúng

(Tại Khoản 8 Điều 1 - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống nhiễm virus gây ra hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải ở người (HIV/AIDS) quy định giảm độ tuổi được quyền tự nguyện đề nghị xét nghiệm HIV xuống đủ 15 tuổi).

Câu 31: Hành vi nào sau đây bị nghiêm cấm?

A. Mọi hành vi kỳ thị, phân biệt đối xử, chia rẽ, phá hoại đoàn kết các dân tộc.

B. Lợi dụng các vấn đề về dân tộc để tuyên truyền xuyên tạc, chống lại đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

C. Lợi dụng việc thực hiện chính sách dân tộc, quản lý nhà nước về công tác dân tộc để xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của công dân.

D. Tất cả các hành vi trên.

Trả lời: D là đáp án đúng

(Căn cứ Điều 7 - Nghị định số 05/2011/NĐ-CP ngày 14/01/2011 của Chính phủ về công tác dân tộc)

Câu 32: Hành vi bạo lực gia đình là hành vi nào sau đây?

- A. Cưỡng ép mang thai, phá thai, lựa chọn giới tính thai nhi.
- B. Bỏ mặc, không quan tâm; không nuôi dưỡng, chăm sóc thành viên gia đình là trẻ em, phụ nữ mang thai, phụ nữ đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi, người cao tuổi, người khuyết tật, người không có khả năng tự chăm sóc; không giáo dục thành viên gia đình là trẻ em.
- C. Kỳ thị, phân biệt đối xử về hình thể, giới tính, năng lực của thành viên gia đình.
- D. Tất cả phương án trên

Đáp án: D là đáp án đúng

(Theo Luật Phòng, chống bạo lực gia đình năm 2022)

Câu 33: Pháp luật quy định tháng nào là tháng hành động quốc gia phòng, chống bạo lực gia đình?

- A. Tháng 5
- B. Tháng 6
- C. Tháng 7
- D. Tháng 8

Đáp án: B là đáp án đúng

(Theo Điều 7 - Luật Phòng, chống bạo lực gia đình năm 2022, quy định tháng 6 hằng năm là tháng hành động quốc gia phòng, chống bạo lực gia đình)

Câu 34: Pháp luật quy định nam và nữ được kết hôn khi đạt độ tuổi nào?

- A. Nam từ đủ 19 tuổi, nữ từ đủ 17 tuổi.
- B. Nam từ 20 tuổi, nữ từ 18 tuổi.
- C. Nam từ đủ 20 tuổi, nữ từ đủ 18 tuổi.
- D. Cả 3 phương án trên đều sai.

Đáp án: C là đáp án đúng

(Theo Điểm a Khoản 1 Điều 8 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định độ tuổi kết hôn đối với nam là từ đủ 20 tuổi và đối với nữ là từ đủ 18 tuổi trở lên)

Câu 35: Bình đẳng giới gia đình bao gồm các nội dung nào?

- A. Vợ, chồng bình đẳng với nhau trong quan hệ dân sự và các quan hệ khác liên quan đến hôn nhân và gia đình. Có quyền, nghĩa vụ ngang nhau trong sở hữu tài sản chung, bình đẳng trong sử dụng nguồn thu nhập chung của vợ chồng và quyết định các nguồn lực trong gia đình; bình đẳng với nhau trong việc bàn bạc, quyết định lựa chọn và sử dụng biện pháp kế hoạch hoá gia đình phù hợp; sử dụng thời gian nghỉ chăm sóc con ốm theo quy định của pháp luật.
- B. Con trai, con gái được gia đình chăm sóc, giáo dục và tạo điều kiện như nhau để học tập, lao động, vui chơi, giải trí và phát triển.
- C. Các thành viên nam, nữ trong gia đình có trách nhiệm chia sẻ công việc gia đình.
- D. Tất cả các phương án trên.

Đáp án: D là đáp án đúng

(Theo Điều 18 - Luật Bình đẳng giới năm 2006)

Câu 36: Theo quy định của Luật Bình đẳng giới năm 2006, những hành vi nào sau đây bị nghiêm cấm?

- A. Cản trở nam, nữ thực hiện bình đẳng giới;
- B. Phân biệt đối xử về giới dưới mọi hình thức;
- C. Bạo lực trên cơ sở giới;
- D. Tất cả các hành vi trên.

Đáp án: D là đáp án đúng

(Theo Điều 10 - Luật Bình đẳng giới năm 2006)

Câu 37: Quyền của cá nhân trong phòng, chống bạo lực gia đình được quy định như thế nào?

A. Được khen thưởng khi có thành tích trong phòng, chống bạo lực gia đình theo quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng; được bảo vệ, giữ bí mật về thông tin cá nhân khi báo tin, tố giác hành vi bạo lực gia đình; được Nhà nước hỗ trợ để bù đắp tổn hại về sức khỏe, tính mạng và thiệt hại về tài sản khi tham gia phòng, chống bạo lực gia đình theo quy định của Chính phủ.

B. Được tăng lương, khen thưởng khi có thành tích trong phòng, chống bạo lực gia đình theo quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng; được bảo vệ, giữ bí mật về thông tin cá nhân khi báo tin, tố giác hành vi bạo lực gia đình; được Nhà nước hỗ trợ để bù đắp tổn hại về sức khỏe, tính mạng và thiệt hại về tài sản khi tham gia phòng, chống bạo lực gia đình theo quy định của Chính phủ.

C. Được khen thưởng khi có thành tích trong phòng, chống bạo lực gia đình theo quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng; được bảo vệ, giữ bí mật về thông tin cá nhân khi báo tin, tố giác hành vi bạo lực gia đình.

D. Được bảo vệ, giữ bí mật về thông tin cá nhân khi báo tin, tố giác hành vi bạo lực gia đình; được Nhà nước hỗ trợ để bù đắp tổn hại về sức khỏe, tính mạng và thiệt hại về tài sản khi tham gia phòng, chống bạo lực gia đình theo quy định của Chính phủ.

Đáp án: A là đáp án đúng

(Theo Điều 12 - Luật Phòng, chống bạo lực gia đình 2022)

Câu 38: Theo quy định của pháp luật, hành vi ép buộc hoặc cản trở người khác lựa chọn môn học, ngành, nghề học tập, đào tạo vì lý do giới tính sẽ bị xử lý như thế nào?

- A. Không bị xử lý.
- B. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 200.000 đồng đến 500.000 đồng.
- C. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng.

Đáp án: C là đáp án đúng

(Theo Điều 9 - Nghị định số 125/2021/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bình đẳng giới)

Câu 39: Độ tuổi trẻ em ở Việt Nam được quy định như thế nào?

- A. Trẻ em là người dưới 16 tuổi.
- B. Trẻ em là công dân Việt Nam dưới 16 tuổi.
- C. Trẻ em là người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi.
- D. Trẻ em là công dân Việt Nam từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi.

Đáp án: A là đáp án đúng

(Theo Điều 1 - Luật trẻ em năm 2016)

Câu 40: Cha mẹ và các thành viên có trách nhiệm như thế nào đảm bảo sự tham gia của trẻ em trong gia đình?

A. Tôn trọng, lắng nghe, xem xét, phản hồi, giải thích ý kiến, nguyện vọng của trẻ em phù hợp với độ tuổi, sự phát triển của trẻ em và Điều kiện, hoàn cảnh của gia đình.

B. Tạo Điều kiện, hướng dẫn trẻ em tiếp cận các nguồn thông tin an toàn, phù hợp với độ tuổi, giới tính và sự phát triển toàn diện của trẻ em; tạo điều kiện cho trẻ em được bày tỏ ý kiến, nguyện vọng đối với những quyết định, vấn đề của gia đình liên quan đến trẻ em.

C. Không cản trở trẻ em tham gia các hoạt động xã hội phù hợp, trừ trường hợp vì lợi ích tốt nhất của trẻ em.

D. Cả 3 phương án trên

Đáp án: D là đáp án đúng

(Theo Điều 75 - Luật trẻ em 2016)

Câu 41: Đối tượng nào dưới đây được hưởng chính sách hỗ trợ cho phụ nữ thuộc hộ nghèo là người dân tộc thiểu số khi sinh con đúng chính sách dân số?

A. Sinh một hoặc hai con;

B. Sinh con thứ ba, nếu cả hai vợ chồng hoặc một trong hai người thuộc dân tộc có số dân dưới 10.000 người hoặc thuộc dân tộc có nguy cơ suy giảm số dân (tỷ lệ sinh nhỏ hơn hoặc bằng tỷ lệ chết) theo công bố chính thức của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

C. Phụ nữ thuộc hộ nghèo, là người dân tộc thiểu số chưa kết hôn, cư trú tại các đơn vị hành chính thuộc vùng khó khăn, trừ các đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc, sinh một hoặc hai con trở lên trong cùng một lần sinh;

D. Tất cả các trường hợp trên.

Đáp án: D là đáp án đúng

(Theo Điều 1 - Nghị định 39/2015/NĐ-CP quy định chính sách hỗ trợ cho phụ nữ thuộc hộ nghèo là người dân tộc thiểu số khi sinh con đúng chính sách dân số)

Câu 42: Biểu hiện nào dưới đây là biểu hiện của bình đẳng trong hôn nhân?

A. Người chồng phải giữ vai trò chính trong đóng góp về kinh tế và quyết định công việc lớn trong gia đình.

B. Công việc của người vợ là nội trợ gia đình và chăm sóc con cái, quyết định các khoản chi tiêu hàng ngày của gia đình.

C. Vợ, chồng cùng bàn bạc, tôn trọng ý kiến của nhau trong việc quyết định các công việc của gia đình.

D. Người vợ quyết định việc sử dụng các biện pháp kế hoạch hóa gia đình.

Trả lời: C là đáp án đúng

(Theo Điều 17 - Luật Hôn nhân và Gia đình)

Câu 43: Theo quy định của Nghị định số 05/2011/NĐ-CP ngày 14/01/2011 của Chính phủ về công tác dân tộc, quy định chính sách phát triển thể dục thể thao vùng đồng bào các dân tộc thiểu số là gì?

A.

1. Bảo tồn, phát huy các lễ hội truyền thống tốt đẹp của đồng bào các dân tộc, định kỳ tổ chức ngày hội văn hóa - thể thao các dân tộc theo từng khu vực hoặc từng dân tộc ở vùng đồng bào các dân tộc thiểu số.

2. Đầu tư xây dựng và hỗ trợ các hoạt động thể dục, thể thao, xây dựng sân vận động, nhà thi đấu, trung tâm tập luyện ở vùng các dân tộc thiểu số.

B.

1. Bảo tồn và phát triển các môn thể dục, thể thao truyền thống của các dân tộc.

2. Đầu tư xây dựng và hỗ trợ các hoạt động thể dục, thể thao, xây dựng sân vận động, nhà thi đấu, trung tâm tập luyện thể dục thể thao ở vùng dân tộc thiểu số.

C.

1. Đầu tư xây dựng và hỗ trợ các hoạt động thể dục, thể thao, xây dựng sân vận động, nhà thi đấu, trung tâm tập luyện ở vùng các dân tộc thiểu số.

2. Khôi phục và phát triển các môn thể dục, thể thao truyền thống của đồng bào các dân tộc thiểu số.

D.

1. Bảo tồn, phát huy các môn thể dục, thể thao truyền thống ở vùng đồng bào các dân tộc thiểu số.

2. Đầu tư xây dựng và hỗ trợ các hoạt động thể dục, thể thao, xây dựng sân vận động, nhà thi đấu, trung tâm tập luyện ở vùng các dân tộc thiểu số.

Trả lời: B là đáp án đúng

(quy định tại Điều 14 - Nghị định số 05/2011/NĐ-CP ngày 14/01/2011 của Chính phủ về công tác dân tộc)

Câu 44: Theo quy định của pháp luật hiện hành thì mức chi tối đa hỗ trợ kinh phí hoạt động đối với thiết chế văn hóa - thể thao xã và hỗ trợ kinh phí tổ chức giải thể thao cấp xã là bao nhiêu?

A. 60 triệu đồng/năm.

B. 50 triệu đồng/năm.

C. 40 triệu đồng/năm.

D. 30 triệu đồng/năm.

Trả lời: B là đáp án đúng

(Theo Khoản 3, Điều 100 Thông tư 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ Tài chính)

Câu 45: Theo quy định tại Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 - 2025 do Thủ tướng Chính phủ ban hành kèm theo Quyết định 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 có bao nhiêu dự án thành phần của Chương trình?

A. 6

B. 8

C. 10

D. 12.

Đáp án: C là đáp án đúng

(Theo mục III, tại Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 - 2025 do Thủ tướng Chính phủ ban hành kèm theo Quyết định 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021)

Câu 46: Theo Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ

năm 2021-2025, mục tiêu đề ra về số thôn có nhà sinh hoạt cộng đồng là bao nhiêu phần trăm (%)?

- A: 50%
- B: 60%
- C: 70%
- D: 80%

Trả lời: D là đáp án đúng

(Theo Điểm a, mục 2, Phần I - Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021- 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 - 2025)

Câu 47: Theo Luật Điện ảnh năm 2022, ngân sách nhà nước bảo đảm bao nhiêu phần trăm chi phí tổ chức phổ biến phim ở vùng cao, miền núi, biên giới, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số?

- A. 50%
- B. 60%
- C. 80%
- D. 100%

Trả lời: D là đáp án đúng

(Căn cứ Khoản 2, Điều 23, Luật Điện ảnh năm 2022, mức hỗ trợ là 100%)

Câu 48: Theo Quyết định số 1227/QĐ-TTg ngày 14/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành, có bao nhiêu dân tộc có khó khăn đặc thù?

- A. 14 dân tộc.
- B. 24 dân tộc.
- C. 34 dân tộc.
- D. 44 dân tộc.

Trả lời: A là đáp án đúng

(Theo Quyết định số 1227/QĐ-TTg ngày 14/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ)

Câu 49: Hợp tác xã phải có ít nhất bao nhiêu thành viên? (Theo Luật HTX số 23/2012/QH13 ngày 20/11/2012)

- A. 5 thành viên
- B. 7 thành viên
- C. 9 thành viên
- D. 11 thành viên

Trả lời: B là đáp án đúng (7 thành viên)

(Theo Luật HTX số 23/2012/QH13 ngày 20/11/2012)

Câu 50: Theo Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; mục tiêu cụ thể về giảm nghèo trong đồng bào dân tộc thiểu số đến năm 2025 được quy định như thế nào?

- A. Tỷ lệ hộ nghèo trong đồng bào dân tộc thiểu số mỗi năm giảm trên 1%;
- B. Tỷ lệ hộ nghèo trong đồng bào dân tộc thiểu số mỗi năm giảm trên 3%;
- C. Tỷ lệ hộ nghèo trong đồng bào dân tộc thiểu số mỗi năm giảm trên 5%;
- D. Tỷ lệ hộ nghèo trong đồng bào dân tộc thiểu số mỗi năm giảm trên 7%;

Đáp án: B là đáp án đúng

(Theo khoản a, mục 2, phần I, Quyết định 1719/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia

phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030 giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025)

Câu 51: Theo quy định của Luật Đất đai năm 2024, Nhà nước có chính sách hỗ trợ đất đai lần đầu như thế nào cho cá nhân là người dân tộc thiểu số thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi?

- A. Cho thuê đất phi nông nghiệp không phải là đất ở để sản xuất, kinh doanh và được miễn, giảm tiền thuê đất;
- B. Giao đất nông nghiệp trong hạn mức không thu tiền sử dụng đất;
- C. Giao đất ở trong hạn mức và được miễn, giảm tiền sử dụng đất;
- D. Tất cả các phương án trên;

Đáp án: D là đáp án đúng

(Theo điểm 2, Điều 16 - Luật đất đai năm 2024)

Câu 52: Theo Luật Hợp tác xã 2023, trường hợp nhiều hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã cùng đáp ứng các tiêu chí thụ hưởng chính sách thì ưu tiên lựa chọn tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã nào?

- A. Số lượng thành viên, người lao động tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc và bảo hiểm xã hội tự nguyện nhiều hơn;
- B. Có phụ nữ làm quản lý, có nhiều thành viên là nữ hoặc sử dụng nhiều lao động nữ hơn;
- C. Số lượng thành viên là đồng bào dân tộc thiểu số nhiều hơn;
- D. Hoạt động tại địa bàn kinh tế - xã hội khó khăn, địa bàn kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của pháp luật;

Trả lời: C là đáp án đúng

(Theo khoản 3, Điều 18 - Luật Hợp tác xã năm 2023)

Câu 53: Một trong những mục tiêu tổng quát của Chiến lược công tác dân tộc giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045 ban hành tại Nghị quyết số 10/NQ-CP ngày 28 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ được quy định như thế nào?

- A. Hoàn thành cơ bản công tác định canh, định cư; sắp xếp, bố trí ổn định 90% số hộ di cư không theo quy hoạch. Quy hoạch, sắp xếp, di dời, bố trí 60% số hộ dân tộc thiểu số đang cư trú phân tán, rải rác trong rừng đặc dụng, các khu vực xa xôi, hẻo lánh, nơi có nguy cơ xảy ra lũ ống, lũ quét, sạt lở. Giải quyết cơ bản tình trạng thiếu đất ở, đất sản xuất cho đồng bào.
- B. Tăng trưởng kinh tế bình quân các tỉnh vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đạt tối thiểu từ 6,0 đến 6,5%/năm.
- C. Chuyển dịch cơ cấu lao động nông thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, hằng năm thu hút 3% lao động sang làm việc các ngành, nghề: Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, du lịch, dịch vụ. Đến năm 2030 có 40% lao động người dân tộc thiểu số biết làm các ngành nghề: Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, du lịch, dịch vụ, trong đó có ít nhất 50% là lao động nữ.
- D. Giảm dần số xã, thôn đặc biệt khó khăn, cải thiện rõ rệt đời sống và nâng cao sinh kế của Nhân dân, chú trọng thu hút các nguồn lực để đầu tư xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, kết nối với các vùng phát triển.

Trả lời: D là đáp án đúng

(Theo Mục II.1 Chiến lược công tác dân tộc giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045 ban hành tại Nghị quyết số 10/NQ-CP ngày 28/01/2022 của Chính phủ)

Câu 54: Theo Chiến lược công tác dân tộc giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045 ban hành tại Nghị quyết số 10/NQ-CP ngày 28 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ, mục tiêu đến năm 2030 được quy định như thế nào?

A. Chỉ số phát triển con người là người dân tộc thiểu số thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (HDI) đạt trên 0,69.

B. Thu nhập bình quân của người dân tộc thiểu số đạt trên 1/2 bình quân chung của cả nước.

C. Phân đầu mức thu nhập bình quân của người dân tộc thiểu số tăng trên 2 lần so với năm 2020.

D. Bảo tồn và phát triển các giá trị, bản sắc văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc; 80% thôn có nhà sinh hoạt cộng đồng; 50% thôn có đội văn hóa, văn nghệ (hoặc câu lạc bộ) truyền thống hoạt động thường xuyên, có chất lượng.

Trả lời: A là đáp án đúng

(Theo Mục II.1 Chiến lược công tác dân tộc giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045 ban hành tại Nghị quyết số 10/NQ-CP ngày 28 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ)

Câu 55: Dự án 1 trong 10 Dự án thành phần của Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 ban hành kèm theo Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ là gì?

A. Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công lập của lĩnh vực dân tộc.

B. Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt.

C. Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch.

D. Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị.

Trả lời: B là đáp án đúng

(Theo Quyết định 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030 giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025)

Câu 56: Theo Quyết định 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030 giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025, thì mục tiêu cụ thể như thế nào?

A. Tỷ lệ hộ nghèo trong đồng bào dân tộc thiểu số mỗi năm giảm trên 3%; phân đầu 50% số xã, thôn ra khỏi địa bàn đặc biệt khó khăn.

B. Tỷ lệ hộ nghèo trong đồng bào dân tộc thiểu số mỗi năm giảm trên 3%; phân đầu 75% số xã, thôn ra khỏi địa bàn đặc biệt khó khăn.

C. Tỷ lệ hộ nghèo trong đồng bào dân tộc thiểu số mỗi năm giảm trên 5%; phấn đấu 50% số xã, thôn ra khỏi địa bàn đặc biệt khó khăn.

D. Tỷ lệ hộ nghèo trong đồng bào dân tộc thiểu số mỗi năm giảm trên 5%; phấn đấu 75% số xã, thôn ra khỏi địa bàn đặc biệt khó khăn.

Trả lời: A là đáp án đúng

(Theo khoản a, mục 2, phần I, Quyết định 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030 giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025)

Câu 57: Theo Quyết định 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030 giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025, thì ngân sách nhà nước hỗ trợ 100% để thực hiện nội dung nào dưới đây?

A. Rà soát, điều chỉnh lập mới quy hoạch cấp xã và vùng huyện; công tác tuyên truyền; đào tạo, tập huấn, phổ biến kiến thức, nâng cao năng lực cho cộng đồng, người dân và cán bộ các cấp, kinh phí quản lý thực hiện Chương trình các cấp; nâng cao chất lượng, phát huy vai trò của chính quyền, đoàn thể, tổ chức chính trị - xã hội trong xây dựng NTM; thực hiện các phong trào thi đua trong xây dựng NTM.

B. Hỗ trợ các huyện phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới: Hoàn thành hạ tầng cấp thiết kết nối xã, huyện; hạ tầng phục vụ cho các hoạt động của cộng đồng; phát triển y tế; công trình xử lý, thu gom rác thải sinh hoạt, chất thải; nước sạch tập trung; xử lý ô nhiễm môi trường làng nghề, Chương trình OCOP,...

C. Đào tạo nghề cho lao động nông thôn (Các đối tượng hỗ trợ thuộc địa bàn vùng dân tộc thiểu số và miền núi, vùng bãi ngang ven biển và hải đảo, các huyện nghèo bố trí từ kinh phí của Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững để thực hiện)

D. Cả hai phương án A và C đều đúng.

Trả lời: D là đáp án đúng

(Theo khoản b, mục 1, phần V, Quyết định 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030 giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025)

Câu 58: Theo Quyết định 1719/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030 giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025, có mục tiêu cụ thể là gì?

A. Tỷ lệ học sinh học mẫu giáo 5 tuổi đến trường trên 98%, học sinh trong độ tuổi học tiểu học trên 97%.

B. Học trung học cơ sở trên 95%, học trung học phổ thông trên 60%.

C. Người từ 15 tuổi trở lên đọc thông, viết thạo tiếng phổ thông trên 90%.

D. Tất cả các phương án trên.

Trả lời: D là đáp án đúng

(Theo khoản a, mục 2, phần I, Quyết định 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030 giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025)

Câu 59: Trong giai đoạn 2021 - 2025, có bao nhiêu dân tộc được xác định thuộc diện dân tộc còn gặp nhiều khó khăn?

- A. 28
- B. 32
- C. 35
- D. 36

Trả lời: B là đáp án đúng.

(theo Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định số 1227/QĐ-TTg ngày 14/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn)

Câu 60: Theo Quyết định 1719/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030 giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025, có mục tiêu cụ thể là gì?

A. Bảo tồn và phát triển các giá trị, bản sắc văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc; 50% thôn có nhà sinh hoạt cộng đồng; 50% thôn có đội văn hóa, văn nghệ (câu lạc bộ) truyền thống hoạt động thường xuyên, có chất lượng.

B. Bảo tồn và phát triển các giá trị, bản sắc văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc; 50% thôn có nhà sinh hoạt cộng đồng; 80% thôn có đội văn hóa, văn nghệ (câu lạc bộ) truyền thống hoạt động thường xuyên, có chất lượng.

C. Bảo tồn và phát triển các giá trị, bản sắc văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc; 80% thôn có nhà sinh hoạt cộng đồng; 50% thôn có đội văn hóa, văn nghệ (câu lạc bộ) truyền thống hoạt động thường xuyên, có chất lượng.

D. Bảo tồn và phát triển các giá trị, bản sắc văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc; 80% thôn có nhà sinh hoạt cộng đồng; 80% thôn có đội văn hóa, văn nghệ (câu lạc bộ) truyền thống hoạt động thường xuyên, có chất lượng.

Trả lời: C là đáp án đúng

(Theo khoản a, mục 2, phần I, Quyết định 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030 giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025)

Câu 61: Quyết định số 33/2020/QĐ-TTg ngày 12/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ về tiêu chí phân định vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo trình độ phát triển giai đoạn 2021 - 2025; thì tiêu chí để xác định thôn đặc biệt khó khăn giai đoạn 2021 - 2025 được quy định như thế nào?

A. Có tỷ lệ hộ nghèo từ 20% trở lên (riêng đối với khu vực đồng bằng sông Cửu Long có tỷ lệ hộ nghèo từ 15% trở lên hoặc có trên 30 hộ nghèo là hộ dân tộc thiểu số nghèo).

B. Có tỷ lệ hộ nghèo từ 15% đến dưới 20% (riêng khu vực đồng bằng sông Cửu Long có tỷ lệ hộ nghèo từ 12% đến dưới 15%).

C. Có tỷ lệ hộ nghèo từ 15% đến dưới 20% (riêng khu vực đồng bằng sông Cửu Long có tỷ lệ hộ nghèo từ 12% đến dưới 15%) và có trên 50% tỷ lệ hộ nghèo là hộ dân tộc thiểu số trong tổng số hộ nghèo của thôn.

D. Có tỷ lệ hộ nghèo từ 25% trở lên (riêng đối với khu vực đồng bằng sông Cửu Long có tỷ lệ hộ nghèo từ 20% trở lên hoặc có trên 30 hộ nghèo là hộ dân tộc thiểu số nghèo)

Trả lời: A là đáp án đúng

(Điều 6 Quyết định số 33/2020/QĐ-TTg ngày 12/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ).

Câu 62: Việc áp dụng các chế độ, chính sách cho người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số được thực hiện theo nguyên tắc thế nào?

A. Người có uy tín được lựa chọn từ thôn, bản, xóm, buôn, làng, phum, sóc, tổ dân phố và tương đương (gọi chung là thôn).

B. Người có uy tín do địa phương trực tiếp quản lý, phân công, phân cấp thực hiện chính sách và công tác vận động, phát huy vai trò của người có uy tín trên địa bàn tỉnh.

C. Trường hợp người có uy tín thuộc đối tượng được hưởng nhiều chính sách hỗ trợ với cùng tính chất thì chỉ được hưởng một chính sách với mức hỗ trợ cao nhất.

D. Cả ba phương án trên đều đúng

Trả lời: D là đáp án đúng

(Theo Điều 3, Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg ngày 06/3/2018 của Thủ tướng Chính phủ về tiêu chí lựa chọn, công nhận người có uy tín và chính sách đối với người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số)

Câu 63: Theo Quyết định 1719/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030 giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025, đối tượng thụ hưởng các chính sách của Chương trình bao gồm những đối tượng nào?

A. Xã, thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

B. Hộ gia đình, cá nhân người dân tộc thiểu số.

C. Doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (HTX), các tổ chức kinh tế hoạt động ở địa bàn các xã, thôn đặc biệt khó khăn.

D. Tất cả các phương án trên

Trả lời: D là đáp án đúng

(Theo mục 2, phần II - Quyết định 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030 giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025)

Câu 64: Theo Quyết định 1719/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030 giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025, thì mục tiêu của Dự án 7 là gì?

A. Cải thiện sức khỏe của người dân tộc thiểu số về thể chất và tinh thần, tầm vóc, tuổi thọ.

B. Tăng cường công tác y tế cơ sở để đồng bào dân tộc thiểu số được tiếp cận các dịch vụ chăm sóc sức khỏe hiện đại.

C. Tiếp tục không chế, tiến tới loại bỏ dịch bệnh ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

D. Tất cả các phương án trên đều đúng.

Trả lời: D là đáp án đúng

(Theo mục 7, phần III, Quyết định 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030 giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025)

Câu 65: Theo Quyết định 1719/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030 giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025, có mấy mục tiêu cụ thể?

A. 6 mục tiêu.

B. 7 mục tiêu.

C. 8 mục tiêu.

D. 9 mục tiêu.

Trả lời: D là đáp án đúng

(Theo khoản a, mục 2, phần I, Quyết định 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030 giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025)

Câu 66: Theo quy định của pháp luật hiện hành thì người lao động là người dân tộc thiểu số; người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo có nhu cầu đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng được hỗ trợ như thế nào?

A. Chi phí học ngoại ngữ, mua sắm đồ dùng cá nhân cần thiết cho làm việc và sinh hoạt ở nước ngoài.

B. Hỗ trợ chi phí làm thủ tục hộ chiếu, thị thực, khám sức khỏe, lý lịch tư pháp trước khi đi làm việc ở nước ngoài theo quy định của pháp luật.

C. Hỗ trợ chi phí đào tạo, nâng cao trình độ tay nghề trong trường hợp nước tiếp nhận yêu cầu.

D. Phương án B và C.

Trả lời: D là đáp án đúng

(Theo Điều 10 - Nghị định số 61/2015/NĐ-CP quy định chính sách hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng)

Câu 67: Các trường hợp nào sau đây không được hoà giải ở cơ sở?

A. Giao dịch dân sự trái đạo đức xã hội.

B. Tranh chấp phát sinh từ quan hệ dân sự như tranh chấp về quyền sở hữu, nghĩa vụ dân sự, hợp đồng dân sự, thừa kế, quyền sử dụng đất.

C. Mâu thuẫn giữa các bên trong việc sử dụng lối đi qua nhà, lối đi chung, sử dụng điện, nước sinh hoạt, công trình phụ, giờ giấc sinh hoạt, gây mất vệ sinh chung hoặc các lý do khác.

D. Cả ba phương án trên đều đúng.

Trả lời: A là đáp án đúng

(Quy định khoản 2, Điều 5 - Nghị định số 15/2014/NĐ-CP Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hòa giải ở cơ sở)

Câu 68: Theo quy định của Luật hoà giải ở cơ sở năm 2013, việc bầu hoà giải viên do ai chủ trì?

- A. Trưởng thôn, Tổ trưởng Tổ dân phố.
- B. Trưởng ban công tác Mặt trận.
- C. Bí thư Chi bộ thôn, Tổ dân phố.
- D. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.

Trả lời: B là đáp án đúng

(Quy định tại khoản 2, Điều 8 - Luật Hoà Giải ở cơ sở)

Câu 69: Người thành niên là người bao nhiêu tuổi?

- A. Từ đủ 15 tuổi trở lên
- B. Từ đủ 16 tuổi trở lên
- C. Từ đủ 17 tuổi trở lên
- D. Từ đủ 18 tuổi trở lên

Trả lời: D là đáp án đúng

(Quy định tại Điều 20 - Bộ Luật Dân sự năm 2015)

Câu 70: Hãy cho biết độ tuổi kết hôn được quy định trong Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 là bao nhiêu?

- A. Nam, nữ từ đủ 18 tuổi trở lên
- B. Nam từ đủ 18 tuổi trở lên, nữ từ đủ 20 tuổi trở lên
- C. Nam từ đủ 20 tuổi trở lên, nữ từ đủ 18 tuổi trở lên
- D. Nam từ 20 tuổi trở lên, nữ từ 18 tuổi trở lên

Trả lời: C là đáp án đúng

(Quy định tại Điều 8 - Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014)

Câu 71: Những hành vi nào sau đây là hành vi bạo lực gia đình?

- A. Kỳ thị, phân biệt đối xử về hình thể, giới, giới tính, năng lực của thành viên gia đình
- B. Cưỡng ép thực hiện hành vi quan hệ tình dục trái ý muốn của vợ hoặc chồng
- C. Cưỡng ép tảo hôn, ly hôn hoặc cản trở kết hôn, ly hôn hợp pháp
- D. Cả ba phương án trên đều đúng

Trả lời: D là đáp án đúng

(Quy định tại khoản 1, Điều 3 - Luật Phòng, chống bạo lực gia đình năm 2022)

Câu 72: Học sinh là người dân tộc thiểu số rất ít người, học tại các Trường tiểu học, Trung học cơ sở, Trung học phổ thông được hưởng mức hỗ trợ học tập là bao nhiêu?

- A. Mức hỗ trợ học tập bằng 40% mức lương cơ sở/học sinh/tháng.
- B. Mức hỗ trợ học tập bằng 50% mức lương cơ sở/học sinh/tháng.
- C. Mức hỗ trợ học tập bằng 70% mức lương cơ sở/học sinh/tháng.
- D. Mức hỗ trợ học tập bằng 100% mức lương cơ sở/học sinh/tháng.

Trả lời: A là đáp án đúng

(Căn cứ Điều 4 - Nghị định số 57/2017/NĐ-CP của Chính phủ thì mức hỗ trợ học tập bằng 40% mức lương cơ sở/học sinh/tháng)

Câu 73: Dân tộc thiểu số rất ít người là dân tộc có số dân bao nhiêu?

- A. Dưới 100.000 người
- B. Dưới 70.000 người
- C. Dưới 50.000 người
- D. Dưới 10.000 người

Trả lời: D là đáp án đúng

(quy định tại khoản 5 Điều 4, Nghị định số 05/2011/NĐ-CP của Chính phủ)

Câu 74: Theo Luật Đất đai 2024, nhiệm vụ rà soát và lập danh sách các trường hợp được quy định chính sách hỗ trợ đối với đồng bào dân tộc thiểu số thuộc trách nhiệm của cấp địa phương nào?

- A. UBND cấp xã.
- B. UBND cấp huyện.
- C. UBND cấp tỉnh.
- D. Cả ba phương án trên.

Trả lời: A là đáp án đúng

(Là nhiệm vụ của cấp xã, quy định tại Điều 8, Nghị định số 102/2024/NĐ-CP của Chính phủ: Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai)

Câu 75: Theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì tuổi kết hôn tối thiểu của nam và nữ được quy định như thế nào?

- A. Nam từ đủ 20 tuổi trở lên, nữ từ 18 tuổi trở lên.
- B. Nam từ 20 tuổi trở lên, nữ từ đủ 18 tuổi trở lên.
- C. Nam từ đủ 20 tuổi trở lên, nữ từ đủ 18 tuổi trở lên.
- D. Nam từ 20 tuổi trở lên, nữ từ 18 tuổi trở lên

Trả lời: C là đáp án đúng

(Quy định tại khoản 1 - Điều 8 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014)

Câu 76: Hành vi bị cấm theo Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 bao gồm những hành vi nào?

- A. Mang thai hộ vì mục đích nhân đạo.
- B. Yêu sách của cải trong kết hôn.
- C. Tự nguyện kết hôn.
- D. Cả ba phương án trên đều đúng.

Trả lời: B là đáp án đúng

(Quy định tại điểm đ - khoản 2, Điều 5 - Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014)

Câu 77: Người từ đủ 18 tuổi trở lên có những quyền nào sau đây?

- A. Quyền nhân thân không gắn với tài sản và quyền nhân thân gắn với tài sản.
- B. Quyền sở hữu, quyền thừa kế và quyền khác đối với tài sản.
- C. Quyền tham gia quan hệ dân sự và có nghĩa vụ phát sinh từ quan hệ đó.
- D. Tất cả các quyền trên.

Trả lời: D là đáp án đúng

(Quy định tại Điều 16 đến Điều 20 Bộ Luật Dân sự năm 2015)

Câu 78: Cá nhân có quyền yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác định lại dân tộc trong trường hợp nào?

- A. Theo dân tộc của cha đẻ hoặc mẹ đẻ trong trường hợp cha đẻ, mẹ đẻ thuộc hai dân tộc khác nhau.
- B. Theo dân tộc của địa bàn nơi mình đang sinh sống.

- C. Chỉ theo dân tộc của cha đẻ.
- D. Chỉ theo dân tộc của mẹ đẻ.

Trả lời: A là đáp án đúng

(Quy định tại điểm a, khoản 3, Điều 29 - Bộ Luật Dân sự năm 2015)

Câu 79: Cơ quan nào có thẩm quyền hướng dẫn hoạt động mai táng, hỏa táng đối với đồng bào dân tộc thiểu số tại địa phương?

- A. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.
- B. Ban Dân tộc.
- C. Sở Tài nguyên và Môi trường.
- D. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

Trả lời: A là đáp án đúng

(Căn cứ khoản 3 Điều 55 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hướng dẫn hoạt động mai táng, hỏa táng phù hợp với phong tục, tập quán, tín ngưỡng và bảo đảm vệ sinh môi trường)

Câu 80: Theo quy định tại Điều 12 - Luật Bảo hiểm y tế 2008 (sửa đổi bởi khoản 6, Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo hiểm y tế năm 2014) và Nghị định số 146/2018/NĐ-CP ngày 17/10/2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn biện pháp thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm y tế thì với đối tượng “người thuộc hộ gia đình nghèo; người dân tộc thiểu số đang sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; người đang sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; người đang sinh sống tại xã đảo, huyện đảo” thuộc nhóm đối tượng tham gia bảo hiểm y tế nào sau đây?

- A. Nhóm do người lao động và người sử dụng lao động đóng.
- B. Nhóm do ngân sách nhà nước đóng.
- C. Nhóm được ngân sách nhà nước hỗ trợ mức đóng.
- D. Nhóm tham gia bảo hiểm y tế theo hộ gia đình.

Trả lời: B là đáp án đúng

(Quy định tại Điều 12 - Luật Bảo hiểm y tế 2008 đã được sửa đổi tại khoản 6, Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo hiểm y tế năm 2014 và khoản 9, Điều 3 Nghị định số 146/2018/NĐ-CP ngày 17/10/2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn biện pháp thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm y tế)

Câu 81: Theo quy định tại Điều 14 - Nghị định số 146/2018/NĐ-CP ngày 17/10/2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn biện pháp thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm y tế thì với đối tượng tham gia bảo hiểm y tế “...người dân tộc thiểu số đang sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; người đang sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; người đang sinh sống tại xã đảo, huyện đảo” khi đi khám bệnh, chữa bệnh đúng tuyến sẽ được quỹ bảo hiểm y tế thanh toán với mức hưởng là?

- A. 100% chi phí khám bệnh, chữa bệnh trong phạm vi hưởng.
- B. 95% chi phí khám bệnh, chữa bệnh trong phạm vi hưởng.
- C. 80% chi phí khám bệnh, chữa bệnh trong phạm vi hưởng.
- D. 40% chi phí khám bệnh, chữa bệnh trong phạm vi hưởng.

Trả lời: A là đáp án đúng

(Tại điểm a, khoản 1, Điều 14 - Nghị định số 146/2018/NĐ-CP ngày 17/10/2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn biện pháp thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm y tế)

Câu 82: Pháp luật hôn nhân và gia đình cấm nam, nữ kết hôn trong những trường hợp nào sau đây?

- A. Giữa người đang có vợ và đang có chồng.
- B. Nam từ 20 tuổi, nữ từ 18 tuổi.
- C. Người có dòng máu về trực hệ; có họ trong phạm vi ba đời.
- D. Tất cả các trường hợp trên đều bị cấm.

Trả lời: D là đáp án đúng

Theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì:

+ **Đáp án A:** Vi phạm quy định tại điểm c, khoản 1, Điều 5 quy định về chế độ hôn nhân một vợ một chồng bình đẳng;

+ **Đáp án B:** Vi phạm quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 8 quy định về các điều kiện kết hôn (theo đó nam phải từ đủ 20 tuổi trở lên, nữ từ đủ 18 tuổi trở lên).

+ **Đáp án C:** Vi phạm quy định điểm d, khoản 1, Điều 5 quy định về các hành vi bị cấm do việc kết hôn với người có dòng máu trực hệ, trong phạm vi ba đời liên quan đến vấn đề đạo đức và bảo vệ sức khỏe cho đứa trẻ. Nếu những người có dòng máu trực hệ trong phạm vi ba đời kết hôn với nhau, con sinh ra có tỉ lệ bị dị tật cao.

Câu 83: Theo quy định pháp luật về phổ biến, giáo dục pháp luật, người dân ở vùng dân tộc thiểu số, miền núi, biên giới, hải đảo thuộc đối tượng nào dưới đây?

- A. Ưu tiên được phổ biến, giáo dục pháp luật.
- B. Đặc thù được quan tâm phổ biến, giáo dục pháp luật.
- C. Được phổ biến, giáo dục pháp luật hàng tháng.
- D. Như mọi công dân trong xã hội.

Trả lời: B là đáp án đúng

(Theo Điều 17 - Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2012)

Câu 84: Học sinh trung học phổ thông là người dân tộc thiểu số, thường trú tại xã đặc biệt khó khăn vùng dân tộc và miền núi được nhà nước hỗ trợ bao nhiêu tiền ăn hàng tháng và thời gian hưởng hỗ trợ như thế nào?

- A. Hỗ trợ mỗi tháng bằng 40% mức lương cơ sở và trong 09 tháng/01 năm học
- B. Hỗ trợ mỗi tháng bằng 100% mức lương cơ sở và trong 09 tháng/01 năm học
- C. Hỗ trợ mỗi tháng bằng 40% mức lương cơ sở và trong cả năm học.
- D. Hỗ trợ mỗi tháng bằng 100% mức lương cơ sở và trong cả năm học

Trả lời: A là đáp án đúng

(Theo Điều 5 Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn)

Câu 85: Đồng bào dân tộc thiểu số được hưởng chính sách trợ giúp pháp lý khi đáp ứng điều kiện nào sau đây?

- A. Người thường xuyên sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của pháp luật.
- B. Là người nghèo, sinh sống ở miền núi.

- C. Là người nghèo, sinh sống ở vùng bãi ngang, ven biển.
D. Không phụ thuộc vào điều kiện kinh tế và địa bàn sinh sống.

Trả lời: A là đáp án đúng

(Theo Điều 2 - Quyết định số 32/2016/QĐ-TTg ngày 08/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ ban hành chính sách trợ giúp pháp lý cho người nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số tại các huyện nghèo, xã nghèo, thôn, bản đặc biệt khó khăn)

Câu 86: Người lao động là người dân tộc thiểu số đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng thì được hỗ trợ vay vốn tối đa là bao nhiêu?

- A. Tối đa 30 triệu.
B. Tối đa 50 triệu.
C. Tối đa 100 triệu.

D. Tối đa 100% chi phí đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng ký kết giữa người lao động và doanh nghiệp đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

Trả lời: D là đáp án đúng

(Điều 11 và Điều 36 - Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và quỹ quốc gia về việc làm)

Câu 87: Tại Khoản 1, Điều 4 - Thông tư số 02/2022/TT-UBND ngày 04/3/2022 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc hướng dẫn thực hiện một số dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 quy định đối tượng hỗ trợ đất ở như thế nào?

- A. Hộ đồng bào DTTS sinh sống trên địa bàn vùng DTTS&MN.
B. Hộ đồng bào DTTS nghèo sinh sống trên địa bàn vùng DTTS&MN.
C. Hộ nghèo dân tộc Kinh sinh sống tại ở các xã, thôn ĐBKK vùng đồng bào DTTS&MN chưa có đất ở.
D. Hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo sinh sống trên địa bàn vùng đồng bào DTTS&MN; hộ nghèo dân tộc Kinh sinh sống ở xã ĐBKK, thôn ĐBKK vùng đồng bào DTTS&MN chưa có đất ở.

Trả lời: D là đáp án đúng

Câu 88: Tại Khoản 2, Điều 6 - Thông tư số 02/2022/TT-UBND ngày 04/3/2022 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc hướng dẫn thực hiện một số dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 quy định đối tượng hỗ trợ nhà ở như thế nào?

- A. Hộ được hỗ trợ đất ở thì đồng thời được xem xét hỗ trợ nhà ở.
B. Hộ được hỗ trợ đất ở thì không được xem xét hỗ trợ nhà ở.
C. Hộ không được hỗ trợ đất ở thì đồng thời được xem xét hỗ trợ nhà ở.
D. Hộ được hỗ trợ đất ở thì đồng thời được xem xét hỗ trợ nhà ở và 100kg gạo/tháng.

Trả lời: A là đáp án đúng

Câu 89: Việc quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện “Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025” được Bộ Tài chính quy định tại Thông tư hướng dẫn nào?

- A. Thông tư số 23/2022/TT-BTC ngày 06/4/2022 của Bộ Tài chính.
- B. Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ Tài chính.
- C. Thông tư số 13/2022/TT-BTC ngày 28/2/2022 của Bộ Tài chính.
- D. Thông tư 08/2022/TT-BTC ngày 09/2/2022 của Bộ Tài chính.

Trả lời: B Là đáp án đúng

Câu 90: Tại Khoản 1, Điều 10 - Thông tư số 02/2022/TT-UBND ngày 04/3/2022 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc hướng dẫn thực hiện một số dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 quy định hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán như thế nào?

- A. Tất cả các hộ gia đình tại vùng đồng bào DTTS&MN có khó khăn về nước sinh hoạt.
- B. Hộ DTTS nghèo tại vùng đồng bào DTTS&MN có khó khăn về nước sinh hoạt.
- C. Hộ DTTS nghèo sinh sống trên địa bàn vùng đồng bào DTTS&MN; hộ nghèo dân tộc Kinh sinh sống ở xã ĐBKK, thôn ĐBKK vùng đồng bào DTTS&MN có khó khăn về nước sinh hoạt.
- D. Hộ dân tộc Kinh tại vùng đồng bào DTTS&MN có khó khăn về nước sinh hoạt.

Trả lời: C là đáp án đúng

Câu 91: Hiện nay, các xã thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi được quy định như thế nào?

- A. Có tỷ lệ số hộ dân tộc thiểu số trong tổng số hộ dân sinh sống ổn định thành cộng đồng từ 5% trở lên.
- B. Có có tỷ lệ số hộ dân tộc thiểu số trong tổng số hộ dân sinh sống ổn định thành cộng đồng từ 10% trở lên.
- C. Có tỷ lệ số hộ dân tộc thiểu số trong tổng số hộ dân sinh sống ổn định thành cộng đồng từ 15% trở lên.
- D. Có có tỷ lệ số hộ dân tộc thiểu số trong tổng số hộ dân sinh sống ổn định thành cộng đồng từ 20% trở lên.

Trả lời: C là đáp đúng

(Quy định tại Khoản 1, Điều 2 - Quyết định số 33/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về quy định về tiêu chí phân định vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025)

Câu 92: Theo Luật Giáo dục đối tượng được tuyển sinh tại Trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường dự bị đại học bao gồm những đối tượng nào?

- A. Tất cả người học là người dân tộc thiểu số trên toàn quốc.
- B. Người học là người dân tộc thiểu số, người học thuộc gia đình định cư lâu dài tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.
- C. Người học bao gồm toàn bộ người Kinh sinh sống tại khu vực miền núi và hải đảo.
- D. Chỉ dành cho đối tượng người học là người dân tộc thiểu số rất ít người.

Trả lời: B là đáp án đúng

Câu 93: Học sinh học tại các trường phổ thông dân tộc nội trú và các trường dự bị đại học hiện nay được hưởng mức học bổng hàng tháng như thế nào?

- A. 90%

- B. 85%
- C. 80%
- D. 75%

Trả lời: C là đáp án đúng

(Quy định tại khoản 2, Điều 2 - Thông tư liên tịch số 109/2009/TTLT/BTC-BGDDT)

Câu 94: Ngoài mức học bổng được hưởng hàng tháng, mỗi học sinh học tại các trường phổ thông dân tộc nội trú và các trường dự bị đại học được hưởng thêm những chế độ ưu đãi nào?

A. Được miễn học phí; Trang cấp hiện vật một lần một số đồ dùng sinh hoạt cá nhân; Tiền tàu xe; Hỗ trợ học phẩm.

B. Được miễn học phí; Trang cấp hiện vật một lần một số đồ dùng sinh hoạt cá nhân; Tiền tàu xe; Hỗ trợ học phẩm; Sách giáo khoa; Chi cho ngày tết nguyên đán, tết dân tộc; Chi bảo vệ sức khỏe.

C. Được miễn học phí; Tiền tàu xe; Hỗ trợ học phẩm; Sách giáo khoa; Chi bảo vệ sức khỏe.

D. Tiền tàu xe; Hỗ trợ học phẩm; Sách giáo khoa; Chi cho ngày tết nguyên đán, tết dân tộc; Chi bảo vệ sức khỏe.

Trả lời: B là đáp án đúng

(Quy định tại khoản 2, Điều 2 - Thông tư liên tịch số 109/2009/TTLT/BTC-BGDDT)

Câu 95: Du lịch có ý nghĩa gì đối với công tác bảo tồn văn hóa các dân tộc?

A. Du lịch góp phần bảo vệ di sản văn hóa, di tích lịch sử các dân tộc.

B. Du lịch mang lại nguồn lực hỗ trợ cho việc bảo tồn di tích lịch sử và văn hóa các dân tộc.

C. Du lịch là một hình thức rất hiệu quả để quảng bá văn hóa cộng đồng.

D. Cả 3 phương án trên đều đúng.

Trả lời: D là đáp án đúng

Câu 96: Tảo hôn trong Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 được định nghĩa như thế nào?

A. Tảo hôn là việc lấy vợ, lấy chồng khi một bên hoặc cả hai bên chưa đủ tuổi kết hôn theo quy định.

B. Tảo hôn là việc lấy vợ lấy chồng.

C. Tảo hôn là việc lấy vợ lấy chồng khi một bên hoặc cả hai bên chưa đủ 20 tuổi kết hôn theo quy định tại điểm A khoản 1 Điều 8 của luật này.

D. Cả 3 phương án trên đều đúng.

Trả lời: A là đáp án đúng

Câu 97: Theo Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 độ tuổi kết hôn hợp pháp của Nam và Nữ là bao nhiêu?

A. Nam từ 20 tuổi trở lên, Nữ từ 18 tuổi trở lên.

B. Nam từ 20 tuổi trở lên, Nữ từ đủ 18 tuổi trở lên.

C. Nam từ đủ 20 tuổi trở lên, Nữ từ 18 tuổi trở lên.

D. Nam từ đủ 20 tuổi trở lên, Nữ từ đủ 18 tuổi trở lên.

Trả lời: D là đáp án đúng

Câu 98: Dân tộc thiểu số rất ít người là thành phần dân tộc có số dân bao nhiêu người?

- A. Có số dân dưới 5.000 người.
- B. Có số dân dưới 10.000 người.
- C. Có số dân dưới 15.000 người.
- D. Có số dân dưới 20.000 người .

Trả lời: B là đáp án đúng

(Quy định tại khoản 5 Điều 4 - Nghị định 05/2011/NĐ-CP của Chính phủ về công tác dân tộc)

Câu 99: Có mấy hình thức tổ chức bồi dưỡng tiếng dân tộc thiểu số?

- A. 1
- B. 2
- C. 3
- D. 4

Trả lời: C là đáp án đúng

(Quy định tại điểm b, Khoản 2, Điều 5 Quy định việc tổ chức đào tạo, bồi dưỡng và cấp chứng chỉ tiếng dân tộc thiểu số ban hành kèm theo Thông tư số 09/2023/TT-BGDDT ngày 18/4/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định 03 hình thức tổ chức bồi dưỡng tiếng dân tộc thiểu số gồm: tập trung, bán tập trung, từ xa)

Câu 100: Theo quy định của Luật Biên giới quốc gia: Người, phương tiện, hàng hóa qua lại biên giới quốc gia phải đảm bảo các điều kiện nào sau đây?

- A. Phải có đầy đủ giấy tờ hợp pháp.
- B. Phải chịu sự kiểm tra, kiểm soát của các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.
- C. Phải có đầy đủ giấy tờ hợp pháp và chịu sự kiểm tra, kiểm soát của các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.
- D. Không cần các điều kiện nêu trên.

Trả lời: C là đáp án đúng

(Theo khoản 2, Điều 15 - Luật Biên giới quốc gia).

-----Hết-----

PHẦN 2

XỬ LÝ TÌNH HUỐNG

Tình huống 1: Thôn A thuộc xã B là khu vực vùng sâu, vùng xa của huyện Hướng Hoá có đồng bào dân tộc Pa Kô không thể đọc và viết tiếng Việt. Trong kỳ bầu cử đại biểu Quốc hội, một số cử tri ở đây đã bị kẻ xấu tuyên truyền sai lệch rằng bầu cử không dành cho đồng bào dân tộc thiểu số; người Pa Kô không được quyền ứng cử vào Quốc hội, cũng không thể bầu cử vì phiếu bầu và các thông tin về bầu cử không được in bằng tiếng Pa Kô nên bà con không thể ghi được phiếu.

Hỏi:

- Cho biết quyền ứng cử, bầu cử của công dân Việt Nam nói chung và đồng bào dân tộc thiểu số nói riêng, được quy định như thế nào trong Hiến pháp?
- Chính sách của Nhà nước ta về đảm bảo tỉ lệ ứng cử của đồng bào dân tộc thiểu số vào Quốc hội được pháp luật quy định như thế nào?
- Đối với trường hợp cụ thể này thì pháp luật có quy định gì để đảm bảo bà con vẫn có thể thực hiện được quyền bỏ phiếu?
- Nếu gặp tình huống tương tự trên thực tế, anh (chị) sẽ phản bác thông tin sai trái này như thế nào?

Trả lời:

- *Quyền bầu cử và ứng cử của công dân Việt Nam được quy định tại Điều 27 Hiến pháp năm 2013 như sau: Công dân đủ mười tám tuổi trở lên có quyền bầu cử và đủ hai mươi một tuổi trở lên có quyền ứng cử vào Quốc hội, Hội đồng nhân dân.*

- *Chính sách của Nhà nước ta nhằm đảm bảo tỷ lệ ứng cử vào Quốc hội của đồng bào dân tộc thiểu số theo Khoản 2, Điều 8 - Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân năm 2015 quy định: Số lượng người dân tộc thiểu số được giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội do Ủy ban thường vụ Quốc hội dự kiến trên cơ sở đề nghị của Hội đồng dân tộc của Quốc hội, bảo đảm có ít nhất mười tám phần trăm tổng số người trong danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu Quốc hội là người dân tộc thiểu số.*

- *Theo Khoản 3, Điều 69 - Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân năm 2015 thì trong trường hợp: Cử tri không thể tự viết được phiếu bầu thì nhờ người khác viết hộ, nhưng phải tự mình bỏ phiếu; người viết hộ phải bảo đảm bí mật phiếu bầu của cử tri.*

- *Quan điểm phản bác của thí sinh: Thí sinh tự nêu lên quan điểm.*

Tình huống 2: A 15 tuổi, A tình cờ quen anh B (20 tuổi) trong một chuyến đi chơi, sau đó tự nguyện quan hệ tình dục với nhau. Gia đình A biết chuyện yêu cầu B phải cưới A và phải đưa cho cha mẹ A một khoản tiền lớn. Hoàn cảnh gia đình khó khăn, bản thân còn đang phải đi làm thuê, B không kiếm đủ số tiền cha mẹ A yêu cầu. Thấy vậy, cha mẹ A tuyên bố nếu B không lo đủ tiền để cưới A, họ sẽ tố cáo B về tội hiếp dâm vì A mới 15 tuổi.

Hỏi:

B có phạm tội hiếp dâm không? Pháp luật quy định về vấn đề này như thế nào?

Trả lời:

B không phạm tội hiếp dâm. Tuy nhiên, hành vi B quan hệ tình dục với A khi A mới 15 tuổi thì theo quy định tại Điều 145 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) B đã phạm vào tội giao cấu hoặc thực hiện hành vi quan hệ tình dục khác với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi.

Theo quy định của pháp luật hình sự việc quan hệ tình dục với người dưới 16 tuổi, dù họ tự nguyện cũng bị coi là hành vi vi phạm pháp luật.

Khoản 1 Điều 145 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định: “Người nào từ đủ 18 tuổi trở lên mà giao cấu hoặc thực hiện hành vi quan hệ tình dục khác với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.

Tình huống 3: Ở bản làng của A, các em gái thường yêu và lấy chồng rất sớm. Vì vậy, khi vừa đủ 16 tuổi, bố mẹ của A cũng bắt A nghỉ học và kết hôn với B (19 tuổi). Mặc dù M không đồng ý nhưng hai bên gia đình vẫn tổ chức đám cưới cho A và B. Việc tổ chức đám cưới cho A và B của gia đình hai bên đã vi phạm những quy định nào của pháp luật và sẽ bị xử lý như thế nào?

Trả lời:

- Việc tổ chức đám cưới cho A và B khi cả hai chưa đủ tuổi kết hôn (chưa đủ 18 tuổi đối với A và chưa đủ 20 tuổi đối với B - Điều 8 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014) là hành vi tổ chức tảo hôn. Đây là một trong những hành vi bị cấm theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Việc bố mẹ A ép buộc con gái tảo hôn cũng là một trong những hành vi bạo lực gia đình theo quy định tại Khoản 1, Điều 3 - Luật Phòng chống bạo lực gia đình năm 2022.

- Căn cứ Điều 58, Nghị định 82/2020/NĐ-CP, hành vi tổ chức tảo hôn sẽ bị phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng. Hành vi tổ chức tảo hôn của bố mẹ A và B có thể bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội tổ chức tảo hôn theo quy định tại Điều 183 Bộ luật hình sự năm 2015 nếu những người này đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này mà còn vi phạm. Theo đó, hình phạt đối với tội này có thể là phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 02 năm.

- Liên hệ tại địa phương (thí sinh tự liên hệ).

Tình huống 4: A 16 tuổi được gia đình B đến hỏi cưới làm vợ. Khi A và B đến đăng ký kết hôn thì cán bộ UBND xã đã giải thích pháp luật cho A và B. Tổ hoà giải cơ sở đã đến gia đình hai bên để khuyên giải, tuyên truyền, vận động chấp hành nghiêm quy định của pháp luật. Tuy nhiên, hai gia đình vẫn quyết định tiến hành tổ chức hôn lễ. Hành vi của A, B và bố mẹ A và B sẽ bị xử lý như thế nào?

Trả lời:

- Tảo hôn là việc lấy vợ, lấy chồng khi một bên hoặc cả hai bên chưa đủ tuổi kết hôn. Điểm a Khoản 1 Điều 8 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định độ tuổi kết hôn đối với nam là từ đủ 20 tuổi và đối với nữ là từ đủ 18 tuổi trở lên.

- Tổ chức tảo hôn là việc kết hôn cho những người chưa đủ tuổi kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Hành vi tảo hôn của A, B và tổ chức tảo hôn của hai gia đình có thể bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại Điều 58 Nghị định số 82/2020/NĐ-CP

ngày 15/7/2020 của Chính phủ: Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với hành vi tổ chức lấy vợ, lấy chồng cho người chưa đủ tuổi kết hôn.

- Nếu sau khi bị xử phạt hành chính mà hai gia đình vẫn cố tình tiếp tục tổ chức hôn lễ cho A và B thì hành vi tổ chức tảo hôn còn có thể bị xử lý hình sự theo quy định tại Điều 183 Bộ luật Hình sự năm 2015: Có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 02 năm.

- Liên hệ thực tiễn tại địa phương (thí sinh tự liên hệ).

Tình huống 5: Hồ Thị A khi mới 14 tuổi đã có thai với người đàn ông ở bản bên nên theo lệ làng bị phạt hai con lợn cùng gà, rượu. 15 năm sau, A lại có thai một người đàn ông khác. Do ảnh hưởng tư tưởng lạc hậu, sợ bị dân làng phạt vì “không chồng mà chửa”, bị đuổi khỏi làng do tái phạm nên khi vừa đẻ xong, A đã ra tay giết đứa bé.

Hỏi: Hành vi của Bùn đã phạm tội gì?

Trả lời:

Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định như sau:

Điều 124. Tội giết hoặc vứt bỏ con mới đẻ

1. Người mẹ nào do ảnh hưởng nặng nề của tư tưởng lạc hậu hoặc trong hoàn cảnh khách quan đặc biệt mà giết con do mình đẻ ra trong 07 ngày tuổi, thì bị phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

2. Người mẹ nào do ảnh hưởng nặng nề của tư tưởng lạc hậu hoặc trong hoàn cảnh khách quan đặc biệt mà vứt bỏ con do mình đẻ ra trong 07 ngày tuổi dẫn đến hậu quả đứa trẻ chết, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 02 năm hoặc bị phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm.

Chủ thể của tội phạm này chỉ là người mẹ sinh ra đứa trẻ. Người mẹ này chịu ảnh hưởng nặng nề của tư tưởng lạc hậu (như khiếp sợ trước dư luận về mang thai và đẻ con ngoài giá thú, sự khắt nghiệt của nhà chồng cho là đẻ con gái là tai họa....) hoặc bị hoàn cảnh khách quan đặc biệt chi phối (như đứa trẻ sinh ra có dị dạng...)

Căn cứ vào các tình tiết của vụ việc, đối chiếu với quy định của pháp luật cho thấy, hành vi của A đã phạm tội giết con mới đẻ quy định tại Điều 124 Bộ Luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tình huống 6: Hộ gia đình ông A có tên trong danh sách hộ gia đình được hưởng chính sách hỗ trợ đất sản xuất do cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; đồng thời, ông A còn muốn học nghề sửa chữa xe máy. Vậy, ông A có được Ngân hàng Chính sách xã hội xem xét cho vay đồng thời cả hai chính sách là hỗ trợ đất sản xuất và chi phí học nghề không?

Trả lời:

Theo quy định tại Khoản 4, Điều 21 - Nghị định số 28/2022/NĐ-CP ngày 26/4/2022 của Chính phủ thì: “Đối tượng vay vốn chỉ được thụ hưởng một trong hai chính sách hỗ trợ đất sản xuất hoặc hỗ trợ học nghề, chuyển đổi nghề”. Như vậy, gia đình ông A chỉ được vay vốn sử dụng vào một trong hai mục đích trang trải chi phí tạo quỹ đất sản xuất hoặc học nghề sửa chữa xe máy.

- Liên hệ thực tiễn tại địa phương (thí sinh tự liên hệ).

Tình huống 7: Hộ gia đình bà M là hộ dân tộc thiểu số nghèo có tên trong danh sách hộ gia đình được hưởng chính sách hỗ trợ học nghề, chuyển đổi nghề.

Hộ gia đình bà M đủ điều kiện vay vốn và có nhu cầu vay hỗ trợ chuyển đổi nghề theo Nghị định số 28/2022/NĐ-CP ngày 26/4/2022 của Chính phủ để thực hiện phương án phát triển chăn nuôi bò sinh sản, với số tiền vay là 60 triệu đồng và vay vốn trang trải chi phí 1 năm cho con đi học nghề sửa chữa điện lạnh, với số tiền vay là 35 triệu đồng. Hộ gia đình bà M được xem xét cho vay với mức cho vay như thế nào?

Trả lời:

- Theo quy định tại khoản 2, Điều 23 - Nghị định số 28/2022/NĐ-CP, hộ gia đình bà M thuộc đối tượng thụ hưởng, đủ điều kiện và có nhu cầu vay vốn hỗ trợ chuyển đổi nghề thì được Ngân hàng Chính sách xã hội xem xét cho vay để thực hiện phương án phát triển chăn nuôi bò sinh sản, với mức cho vay bằng mức vay tối đa đối với hộ nghèo được quy định trong từng thời kỳ (hiện nay là 100 triệu đồng) và trang trải chi phí cho con đi học nghề sửa chữa điện lạnh, với mức cho vay tối đa bằng mức cho vay áp dụng đối với chính sách tín dụng học sinh, sinh viên quy định trong từng thời kỳ (hiện nay là 04 triệu đồng/tháng).

Như vậy, gia đình bà M được xem xét cho vay theo cả hai nguyên vọng trên với tổng mức cho vay là 95 triệu đồng (bao gồm 60 triệu đồng phát triển chăn nuôi bò và 35 triệu đồng cho con đi học nghề).

- Liên hệ thực tiễn tại địa phương (thí sinh tự liên hệ).

Tình huống 8: Năm 2023, hộ gia đình ông Hồ Văn Sinh là hộ cận nghèo đang có dư nợ chương trình cho vay hộ cận nghèo. Năm 2024, qua điều tra rà soát, hộ gia đình ông Sinh thuộc hộ nghèo, có tên trong danh sách hộ gia đình được thụ hưởng chính sách hỗ trợ về đất ở và nhà ở, đủ điều kiện vay vốn và có nhu cầu vay vốn vào việc trang trải chi phí để có đất ở và chi phí xây mới nhà ở theo Nghị định số 28/2022/NĐ-CP ngày 26/4/2022 của Chính phủ. Vậy hộ gia đình ông Sinh có được Ngân hàng Chính sách xã hội xem xét cho vay hỗ trợ đất ở, nhà ở không? Nếu được, mức cho vay tối đa là bao nhiêu?

Trả lời:

Theo quy định tại Nghị định số 28/2022/NĐ-CP, hộ gia đình ông Sinh thuộc đối tượng thụ hưởng, đủ điều kiện và có nhu cầu vay vốn vào việc trang trải chi phí để có đất ở và chi phí xây mới nhà ở thì được Ngân hàng Chính sách xã hội xem xét cho vay với mức vay tối đa là 90 triệu đồng/hộ, trong đó 50 triệu đồng trang trải chi phí để có đất ở và 40 triệu đồng trang trải chi phí xây mới nhà ở.

Theo quy định tại Điều 11, Điều 17 Nghị định số 28/2022/NĐ-CP ngày 26/4/2022 của Chính phủ quy định:

+ Đối với mức cho vay hỗ trợ đất ở được quy định tại Điều 11 như sau: “Mức cho vay do Ngân hàng Chính sách xã hội và khách hàng vay vốn thỏa thuận nhưng không vượt quá 50 triệu đồng/hộ.”

+ Đối với mức cho vay hỗ trợ nhà ở được quy định tại Điều 17 như sau: “Mức cho vay do Ngân hàng Chính sách xã hội và khách hàng vay vốn thỏa thuận nhưng không vượt quá 40 triệu đồng/hộ.”

Tình huống 9: Ngày 25/9/2024, khi lên thăm rẫy cà phê của mình, anh A phát hiện một con bò có cột dây ở cổ bị quán vào gốc cà phê của rẫy nhà anh. Anh A đã gỡ dây và dắt con bò về nuôi giữ tại nhà. Anh đã đến UBND xã đề nghị xã thông báo công khai cho chủ sở hữu con bò biết để nhận lại. Sau 01 tháng nuôi

giữ, con bò sinh được một con bê con. Sau 02 tháng, có chị B ở làng bên đến xin nhận lại con bò lạc của mình. Sau khi đưa ra các thông tin mô tả và đặc điểm nhận dạng, anh A thấy con bò đúng là thuộc sở hữu của chị B nên đã trả lại. Khi biết con bò đã sinh con, chị B đề nghị anh A phải trả cả con bê cho mình.

Hỏi: Theo quy định thì con bê đó thuộc quyền sở hữu của ai?

Trả lời:

Điều 231 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định việc xác lập quyền sở hữu đối với gia súc bị thất lạc như sau:

“1. Người bắt được gia súc bị thất lạc phải nuôi giữ và báo ngay cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó cư trú để thông báo công khai cho chủ sở hữu biết mà nhận lại.

Sau 06 tháng, kể từ ngày thông báo công khai hoặc sau 01 năm đối với gia súc thả rông theo tập quán thì quyền sở hữu đối với gia súc và số gia súc được sinh ra trong thời gian nuôi giữ thuộc về người bắt được gia súc.

2. Trường hợp chủ sở hữu được nhận lại gia súc bị thất lạc thì phải thanh toán tiền công nuôi giữ và các chi phí khác cho người bắt được gia súc.

Trong thời gian nuôi giữ gia súc bị thất lạc, nếu gia súc có sinh con thì người bắt được gia súc được hưởng một nửa số gia súc sinh ra hoặc 50% giá trị số gia súc sinh ra và phải bồi thường thiệt hại nếu có lỗi cố ý làm chết gia súc.”

Theo quy định trên, thì chị B được nhận lại con bò và thanh toán tiền công nuôi giữ hợp lý cho anh A trong thời gian 02 tháng. Trường hợp chị nhận con bê thì phải trả cho anh A số tiền tương ứng với 50% giá trị của con bê. Trường hợp anh A nhận con bê thì anh phải trả cho chị B số tiền tương ứng với 50% giá trị của con bê.

- Liên hệ tại địa phương (thí sinh tự liên hệ).

Tình huống 10: A là người Kinh đi tình nguyện mùa hè và gặp B là người dân tộc Vân Kiều. Thấy B xinh xắn và dễ thương, A đem lòng yêu mến và xin phép gia đình được cưới B. Một năm sau, B sinh một bé trai khá khinh. A đi đăng ký khai sinh cho con và dự định sẽ đăng ký cho con thuộc dân tộc Kinh nhưng B phản đối. B cho rằng theo tập quán của B thì con đầu lòng phải theo dân tộc của mẹ (tức dân tộc Vân Kiều). A không đồng ý vì cho rằng như vậy sẽ ảnh hưởng đến tương lai của đứa trẻ.

Hỏi: Việc xác định dân tộc của con trong giấy khai sinh được quy định như thế nào?

Trả lời:

Theo Điều 29 Bộ Luật dân sự năm 2015 quy định về quyền xác định, xác định lại dân tộc.

“1. Cá nhân có quyền xác định, xác định lại dân tộc của mình.

2. Cá nhân khi sinh ra được xác định dân tộc theo dân tộc của cha đẻ, mẹ đẻ. Trường hợp cha đẻ, mẹ đẻ thuộc hai dân tộc khác nhau thì dân tộc của con được xác định theo dân tộc của cha đẻ hoặc mẹ đẻ theo thỏa thuận của cha đẻ, mẹ đẻ; trường hợp không có thỏa thuận thì dân tộc của con được xác định theo tập quán; trường hợp tập quán khác nhau thì dân tộc của con được xác định theo tập quán của dân tộc ít người hơn”.

Theo đó, dân tộc của cá nhân được xác định theo dân tộc của cha đẻ hoặc mẹ đẻ. Nếu hai người này không cùng dân tộc thì cần sự thỏa thuận của cha mẹ, hoặc theo tập quán nếu không thỏa thuận được. Tình huống nêu trên, A và B là hai người thuộc hai dân tộc khác nhau và không thể thống nhất về xác định dân tộc cho con của họ. Xét trên tập quán của hai dân tộc cũng không thể xác định được cho đứa trẻ. Do đó, theo Điều 29, dân tộc của đứa trẻ được xác định theo tập quán của dân tộc ít người hơn. Nói cách khác, trường hợp này, dân tộc của đứa trẻ được xác định là theo dân tộc của mẹ.

- Liên hệ tại địa phương (thí sinh tự liên hệ).

Tình huống 11: Gia đình anh A và các thành viên trong gia đình đang sử dụng một nhà vệ sinh ở cuối vườn cách xa nhà. Đây là một nhà vệ sinh thuộc dạng hố đào, hố phân được đậy kín bằng các ván gỗ. Phần nhà vệ sinh được làm bằng tre nửa đan kín và có mái che nước mưa, có lắp ống thông hơi. Tuy nhiên cứ trời mưa là nhà vệ sinh bị ngập nước.

Hỏi: Nhà vệ sinh của gia đình anh A có được coi là hợp vệ sinh không? Để đảm bảo nhà tiêu của gia đình hợp vệ sinh thì anh A cần phải làm gì? Liên hệ thực tế?

Trả lời:

Nhà tiêu của gia đình anh A hiện đang dùng là nhà tiêu khô chìm.

Theo Điểm 1.1 Mục 1 Phần II của QCVN 01:2011/BYT thì nhà tiêu khô chìm hợp vệ sinh phải được xây dựng ở nơi không bị ngập úng; không để nước mưa tràn vào hố phân. Như vậy nhà tiêu của gia đình anh A đang sử dụng chưa hợp vệ sinh.

Để đảm bảo hợp vệ sinh, anh A cần lựa chọn địa điểm là khu đất cao, cách xa nhà, nguồn nước ít nhất 10m để đào hố phân cho phần chìm của nhà tiêu khô chìm; xây miệng hố phân cao hơn mặt đất ít nhất 20cm để tránh bị nước tràn vào hố phân.

Ngoài ra, nhà tiêu của anh A phải đáp ứng các tiêu chí khác về xây dựng, sử dụng, bảo quản trong QCVN 01:2011/BYT để đảm bảo hợp vệ sinh.

- Liên hệ thực tiễn địa phương: Thí sinh tự liên hệ.

Tình huống 12: Chị M là người dân tộc thiểu số kết hôn với anh K, sinh được 3 cô con gái. Chị đang sống với gia đình nhà chồng, anh K là con trai duy nhất của gia đình nên muốn sinh cho được con trai để nối dõi tông đường. Hiện chị đang mang thai lần thứ 4 được 4 tháng, đi khám siêu âm bác sỹ nói là con gái. Mẹ chồng chị biết được nên xúi giục chị phải phá thai.

Hỏi: Hành vi của mẹ chồng chị M và hành vi công bố giới tính của bác sỹ là đúng hay sai? Nếu sai sẽ bị xử lý như thế nào?

Trả lời:

- Hành vi xúi giục con dâu phá thai vì giới tính thai nhi của mẹ chồng chị M là vi phạm Điều 10 của Luật Bình đẳng giới năm 2006.

- Theo Điều 100 Nghị Định số 117/2020/NĐ-CP quy định xử phạt hành chính trong lĩnh vực dân số về hành vi loại bỏ thai nhi do lý do lựa chọn giới tính thì hành vi của mẹ chồng chị M sẽ bị xử phạt từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng.

- Theo khoản 2, Điều 98, Nghị định số 117/2020/NĐ-CP thì hành vi công bố giới tính thai nhi của bác sỹ sẽ bị xử phạt từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng.

- Liên hệ thực tế địa phương: Thí sinh tự liên hệ.

Tình huống 13: Em Hồ Thị Sen sắp tròn 17 tuổi, hiện đang ở nhà phụ giúp bố mẹ bán hàng. Bố mẹ Sen ép cô kết hôn với anh Hồ Văn Tín vì hai gia đình đã hứa hôn từ khi Sen và Tín còn nhỏ. Theo quy định của pháp luật thì Sen đã đủ tuổi kết hôn chưa? Việc bố mẹ Sen ép Sen cưới anh Tín là đúng hay sai?

Trả lời:

- Vì Sen chưa đủ 18 tuổi nên theo quy định tại Điều 8, Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Sen chưa đủ tuổi để kết hôn. Việc bố mẹ ép Sen kết hôn là không đúng pháp luật vì: Cưỡng ép kết hôn là một trong những hành vi bị cấm và việc kết hôn phải do nam, nữ tự nguyện quyết định.

- Liên hệ thực tế địa phương: Thí sinh tự liên hệ.

Tình huống 14: Gia đình chồng chị A là người dân tộc thiểu số theo đạo Tin Lành, sau khi kết hôn, gia đình chồng ép chị A phải theo đạo Tin Lành. Chị A không muốn theo. Việc ép buộc của gia đình chồng chị A có đúng không?

Trả lời:

Theo Điều 24, Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013 đã khẳng định:

“(1). Mọi người có quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo, theo hoặc không theo một tôn giáo nào. Các tôn giáo bình đẳng trước pháp luật;

(2). Nhà nước tôn trọng và bảo hộ quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo;

(3). Không ai được xâm phạm tự do tín ngưỡng, tôn giáo hoặc lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo để vi phạm pháp luật”.

Theo Điều 6 Luật Tín ngưỡng Tôn giáo 2016 quy định: “Mọi người có quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo, theo hoặc không theo một tôn giáo nào”.

Theo Điều 22 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: “Vợ, chồng có nghĩa vụ tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của nhau”.

Như vậy, chị A có quyền tự do quyết định theo hoặc không theo đạo Tin Lành. Việc gia đình chồng ép buộc chị A phải theo tôn giáo của họ là trái với quy định của pháp luật.

- Liên hệ thực tế địa phương: Thí sinh tự liên hệ.

Tình huống 15: Bà A và ông B là hai anh em ruột. Con gái bà A là em C và con trai ông B là em D yêu nhau và mong muốn được kết hôn. Theo anh/chị thì em C và em D có được kết hôn không? Tại sao?

Trả lời:

Tại điểm d khoản 2 Điều 5 Luật Hôn nhân Gia đình năm 2014 quy định: Cấm kết hôn hoặc chung sống như vợ chồng giữa những người cùng dòng máu về trực hệ; giữa những người có họ trong phạm vi ba đời; giữa cha, mẹ nuôi với con nuôi; giữa người đã từng là cha, mẹ nuôi với con nuôi, cha chồng với con dâu, mẹ vợ với con rể, cha dượng với con riêng của vợ, mẹ kế với con riêng của chồng”.

Theo qui định trên, em C và em D có quan hệ dòng họ trong phạm vi ba đời (con bác, con cô) do đó, em C và em D không được kết hôn.

Tại Khoản 17 Điều 3 Luật hôn nhân gia đình 2014 quy định: “Những người cùng dòng máu về trực hệ là những người có quan hệ huyết thống, trong đó, người này sinh ra người kia kế tiếp nhau.”

Khoản 18 điều 3 Luật hôn nhân gia đình 2014 quy định: “Những người có họ trong phạm vi ba đời là những người cùng một gốc sinh ra gồm cha mẹ là đời thứ nhất; anh, chị, em cùng cha mẹ, cùng cha khác mẹ, cùng mẹ khác cha là đời thứ hai; anh, chị, em con chú, con bác, con cô, con cậu, con dì là đời thứ ba”).

- Liên hệ thực tế địa phương: Thí sinh tự liên hệ.

Tình huống 16: Anh B chồng chị A là người dân tộc thiểu số thường xuyên uống rượu. Vì chị A không có tiền mua rượu nên B đã dùng gậy đập phá đồ đạc trong nhà và đuổi đánh khiến chị phải chạy sang nhà hàng xóm trốn giữa đêm khuya. Hỏi hành vi của anh B có vi phạm pháp luật không? Nếu có sẽ bị xử lý như thế nào?

Trả lời:

- Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Luật phòng chống bạo lực gia đình năm 2022 thì: Bạo lực gia đình là hành vi cố ý của thành viên gia đình gây tổn hại hoặc có khả năng gây tổn hại về thể chất, kinh tế đối với thành viên khác trong gia đình.

Như vậy, hành vi của anh B được xác định là hành vi bạo lực gia đình.

- Theo Điều 59 Nghị định số 144/2021/NĐ-CP của Chính phủ thì hành vi đe dọa bằng bạo lực buộc thành viên gia đình ra khỏi chỗ ở hợp pháp của anh B sẽ bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng.

- Liên hệ thực tế địa phương: Thí sinh tự liên hệ.

Tình huống 17: Khi Mỹ học hết tiểu học thì bố quyết định cho Mỹ nghỉ học để phụ giúp mẹ bán hàng. Khi các cô bác ở Hội phụ nữ xã đến nhà động viên cho Mỹ tiếp tục đi học thì bố Mỹ cho rằng: bố mẹ có quyền quyết định việc học của con cái.

Việc làm của bố mẹ Mỹ có đúng không? Trách nhiệm bảo đảm quyền học tập của trẻ em được pháp luật Việt Nam quy định như thế nào?

Trả lời:

Việc làm của bố mẹ Mỹ là không đúng. Tại Điều 16 Luật Trẻ em 2016 quy định Quyền được giáo dục, học tập và phát triển năng khiếu như sau:

1. Trẻ em có quyền được giáo dục, học tập để phát triển toàn diện và phát huy tốt nhất tiềm năng của bản thân.

2. Trẻ em được bình đẳng về cơ hội học tập và giáo dục; được phát triển tài năng, năng khiếu, sáng tạo, phát minh.

Đối với trẻ em, học tập có ý nghĩa quan trọng. Trẻ em cần được học tập để trở thành con ngoan, trò giỏi, người hữu ích cho gia đình, xã hội và tương lai sẽ trở thành công dân tốt, người lao động tốt góp phần xây dựng và bảo vệ tổ quốc. Như vậy, theo các quy định của pháp luật, cha mẹ không có quyền bắt con cái bỏ học mà phải tạo điều kiện để con cái thực hiện quyền được học tập của mình. Suy nghĩ và hành động của bố Mỹ như thế là không đúng. Gia đình, nhà trường và xã hội có trách nhiệm bảo đảm quyền được giáo dục, học tập và phát triển năng khiếu của trẻ em.

- Liên hệ thực tế địa phương: Thí sinh tự liên hệ.

Tình huống 18: Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao nguồn nhân lực là nhân tố cơ bản quyết định sự phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Tuy nhiên, nhìn chung chất lượng nguồn nhân lực ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số còn thấp, đặc biệt là với đối tượng trẻ em.

Hỏi: Mục tiêu cụ thể đến năm 2025 đối với tỉ lệ trẻ em đến trường và đọc thông, viết thạo tiếng phổ thông vùng đồng bào dân tộc thiểu số? Liên hệ thực tiễn?

Trả lời:

- Nghị quyết số 10/NQ-CP ngày 28/02/2022 của Chính phủ về Chiến lược công tác dân tộc giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045 quy định mục tiêu cụ thể đến năm 2025 đối với tỉ lệ trẻ em đến trường và đọc thông, viết thạo tiếng phổ thông vùng đồng bào dân tộc thiểu số như sau: Tỷ lệ trẻ em mẫu giáo 5 tuổi đến trường trên 98% học sinh trong độ tuổi học tiểu học trên 97%, học trung học cơ sở trên 95%, học trung học phổ thông trên 60%; người từ 15 tuổi trở lên đọc thông, viết thạo tiếng phổ thông trên 90%.

- Liên hệ tại địa phương (thí sinh tự liên hệ) trong xây dựng nông thôn mới tại địa phương (trả lời theo thực tế địa phương).

Tình huống 19: Hiện nay, đối tượng mà Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi hướng đến trong giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 gồm những đối tượng nào? Liên hệ thực tế địa phương?

Trả lời:

Theo điểm 2 Mục II Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 do Thủ tướng Chính phủ ban hành kèm theo Quyết định 1719/QĐ-TTg năm 2021 quy định về đối tượng của Chương trình như sau:

- + Xã, thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi;
- + Hộ gia đình, cá nhân người dân tộc thiểu số;
- + Hộ gia đình, cá nhân người dân tộc Kinh thuộc diện hộ nghèo, cận nghèo sinh sống ở xã, thôn đặc biệt khó khăn;
- + Doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, các tổ chức kinh tế hoạt động ở địa bàn các xã, thôn đặc biệt khó khăn.

Thí sinh tự liên hệ thực tế tại địa phương.

Tình huống 20: Tảo hôn là hành vi vi phạm pháp luật về hôn nhân và gia đình và bị nghiêm cấm nhưng tại sao chỉ có hành vi “cưỡng ép tảo hôn” mới là hành vi bạo lực gia đình?

Trả lời:

Tảo hôn là hành vi vi phạm pháp luật về hôn nhân gia đình, bị nghiêm cấm. Người tổ chức tảo hôn (tổ chức lễ cưới hỏi cho những người chưa đến tuổi kết hôn); người cố ý duy trì quan hệ vợ chồng trái pháp luật với người chưa đến tuổi kết hôn mặc dù đã có quyết định của Tòa án buộc chấm dứt quan hệ đó sẽ bị xử phạt vi phạm hành chính hoặc xử lý hình sự. Tuy nhiên không phải mọi hành vi liên quan đến tảo hôn đều là hành vi bạo lực gia đình. Hành vi bạo lực gia đình là hành vi phải có yếu tố cưỡng bức, ép buộc trái với ý muốn của nạn nhân, các hành vi được thực hiện với sự đồng thuận của nạn nhân có thể là hành vi vi phạm pháp luật nhưng sẽ không bị coi là bạo lực gia đình và hành vi đó sẽ bị xử lý theo các quy định khác của pháp luật có liên quan. Chính vì vậy, Luật Phòng, chống bạo lực gia đình chỉ quy định hành vi “cưỡng ép tảo hôn” là hành vi bạo lực gia đình.

- Liên hệ tại địa phương (thí sinh tự liên hệ).

Tình huống 21: Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi hướng đến trong giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 gồm những đối tượng nào? Liên hệ thực tế địa phương?

Trả lời:

Theo điểm 2 Mục II Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 do Thủ tướng Chính phủ ban hành kèm theo Quyết định 1719/QĐ-TTg năm 2021 quy định về đối tượng của Chương trình như sau:

- + Xã, thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi;*
- + Hộ gia đình, cá nhân người dân tộc thiểu số;*
- + Hộ gia đình, cá nhân người dân tộc Kinh thuộc diện hộ nghèo, cận nghèo sinh sống ở xã, thôn đặc biệt khó khăn;*
- + Doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, các tổ chức kinh tế hoạt động ở địa bàn các xã, thôn đặc biệt khó khăn.*

Thí sinh tự liên hệ thực tế tại địa phương.

Tình huống 22: Anh A hiện đang sinh sống tại xã Hướng Phùng. Gần đây, anh có đầu tư kinh doanh homestay cung cấp dịch vụ cho khách du lịch ở một khu riêng, ngoài khu vực sinh hoạt của gia đình.

Hỏi: Homestay của anh A có đáp ứng điều kiện tối thiểu để kinh doanh nhà ở có phòng cho khách du lịch thuê hay không?

Trả lời:

Tại Khoản 6, Điều 21, Nghị định 168/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định một số điều của Luật Du lịch, Nhà ở có phòng cho khách du lịch thuê là nhà ở có khu vực được bố trí trang thiết bị, tiện nghi cho khách du lịch thuê lưu trú; khách cùng sinh hoạt với gia đình chủ nhà. Việc nhà ở có phòng cho khách du lịch thuê (homestay) của anh A ở một khu riêng, khách không sinh hoạt với gia đình chủ nhà không đáp ứng định nghĩa của một nhà ở có phòng cho khách du lịch thuê.

- Liên hệ tại địa phương (thí sinh tự liên hệ).

Tình huống 23: Em Y là dân tộc Pa Kô, khi đi chụp ảnh để cấp thẻ căn cước công dân em đã mặc trang phục của dân tộc mình. Tuy nhiên, trong khi chờ tới lượt có một bác lại nhắc nhở em là phải mặc quần đen, áo trắng chứ không được mặc trang phục dân tộc khiến em Y rất lo lắng. Vậy pháp luật quy định như thế nào về trường hợp này?

Trả lời:

Căn cứ theo Khoản 4, Điều 5 Thông tư số 60/2021/TT-BCA ngày 15/5/2021 của Bộ Công an quy định trình tự cấp, đổi, cấp lại thẻ căn cước công dân, việc chụp ảnh chân dung của công dân được quy định như sau:

Ảnh chân dung của công dân khi làm thủ tục cấp, đổi, cấp lại thẻ Căn cước công dân là ảnh màu, phông nền trắng, chụp chính diện, đầu để trần, rõ mặt, rõ hai tai, không đeo kính; trang phục, tác phong nghiêm túc, lịch sự. Đối với trường hợp công dân theo tôn giáo, dân tộc thì được mặc lễ phục tôn giáo, trang phục dân tộc đó, nếu có khăn đội đầu thì được giữ nguyên nhưng phải đảm bảo rõ mặt, rõ hai tai.

Như vậy theo quy định nêu trên thì em Y có thể mặc trang phục dân tộc của mình khi chụp ảnh chân dung để cấp thẻ Căn cước công dân.

- Liên hệ tại địa phương (thí sinh tự liên hệ).

Tình huống 24: Anh B chồng chị A thường xuyên uống rượu. Vì chị A không có tiền mua rượu nên B đã dùng gậy đập phá đồ đạc trong nhà và đuổi đánh khiến chị phải chạy sang nhà hàng xóm trốn giữa đêm khuya. Hành vi của anh B có vi phạm pháp luật không? Nếu có sẽ bị xử lý như thế nào?

Trả lời:

- Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Luật phòng chống bạo lực gia đình năm 2022 thì: Bạo lực gia đình là hành vi cố ý của thành viên gia đình gây tổn hại hoặc có khả năng gây tổn hại về thể chất, kinh tế đối với thành viên khác trong gia đình.

Như vậy, hành vi của anh B được xác định là hành vi bạo lực gia đình.

- Theo Điều 59 Nghị định số 144/2021/NĐ-CP của Chính phủ thì hành vi đe dọa bằng bạo lực buộc thành viên gia đình ra khỏi chỗ ở hợp pháp của anh B sẽ bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng.

- Liên hệ thực tế địa phương: Thí sinh tự liên hệ.

Tình huống 25: Tiểu dự án 1 “Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân” tại Dự án 3 “Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị” trong Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 do Thủ tướng Chính phủ ban hành kèm theo Quyết định 1719/QĐ-TTg năm 2021.

Hỏi: Hãy cho biết đối tượng của Tiểu dự án 1, Dự án 3 được quy định như thế nào?

Trả lời:

Tại điểm a, mục 3, phần III của Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 do Thủ tướng Chính phủ ban hành kèm theo Quyết định 1719/QĐ-TTg năm 2021 quy định đối tượng của Tiểu dự án 1 như sau:

+ Hộ gia đình đồng bào dân tộc thiểu số, hộ gia đình người Kinh nghèo đang sinh sống ổn định tại các xã khu vực II, III thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu và miền núi, có thực hiện một trong các hoạt động bảo vệ và phát triển rừng sau: Bảo vệ, khoanh nuôi tái sinh rừng tự nhiên; trồng rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trên đất quy hoạch phát triển rừng được Nhà nước giao đất; nhận khoán bảo vệ rừng;

+ Cộng đồng dân cư thôn thuộc các xã khu vực II, III thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi được giao rừng theo quy định của pháp luật đang thực hiện bảo vệ rừng được giao hoặc rừng nhận khoán.

- Liên hệ tại địa phương (thí sinh tự liên hệ).

.....Hết.....